

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH TRUNG**

**Sinh viên : ĐOÀN THỊ THU**

**HẢI PHÒNG – 2025**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---

社交媒体抖音对 HPU 中文专业学生听说能力的影响研究

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH TRUNG**

**Sinh viên : Đoàn Thị Thu**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Phương Mai**

**HẢI PHÒNG – 2025**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đoàn Thị Thu

Mã SV: 2212756020

Lớp : NA2601C

Ngành : Ngôn ngữ Anh Trung

Tên đề tài: 社交媒体抖音对 HPU 中文专业学生听说能力的影响研究

(Nghiên cứu về ảnh hưởng của mạng xã hội Douyin đối với khả năng nghe và nói của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung tại HPU)

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Nhiệm vụ trọng tâm của đề tài là nghiên cứu ảnh hưởng việc sử dụng mạng xã hội Douyin đến khả năng nghe nói tiếng trung của sinh viên chuyên ngành Tiếng Trung tại Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng.

Các yêu cầu cụ thể cần giải quyết bao gồm:

- Xác định thực trạng sử dụng: Khảo sát tần suất, thời lượng, mà sinh viên chuyên ngành Tiếng Trung tại HPU tiếp cận tiếng trung thông qua Douyin.
- Đánh giá ảnh hưởng: Phân tích một cách khoa học các tác động cụ thể của việc sử dụng Douyin đối với hai kỹ năng Nghe (tốc độ phản xạ, khả năng nhận diện ngữ điệu/thanh điệu) và Nói (sự lưu loát, phát âm, khả năng giao tiếp thực tế).
- Đề xuất giải pháp: Dựa trên kết quả phân tích, đề xuất các khuyến nghị, giải pháp cụ thể và khả thi nhằm giúp sinh viên tận dụng Douyin một cách hiệu quả, có định hướng để cải thiện kỹ năng Nghe – Nói.

## 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Để hoàn thành đề tài, cần thu thập và xử lý các loại tài liệu, số liệu sau:

Tài liệu lý luận và cơ sở khoa học:

- Các giáo trình, tài liệu chuyên khảo về Lý luận dạy học tiếng Trung, Ngôn ngữ học ứng dụng, và Lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai.
- Các nghiên cứu liên quan đến việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội và video ngắn trong giảng dạy và học tập ngoại ngữ.

Số liệu thực tế:

- Dữ liệu định lượng thu thập từ Phiếu khảo sát về thói quen và mức độ sử dụng Douyin, cùng với nhận định chủ quan của sinh viên về ảnh hưởng đến kỹ năng Nghe – Nói.
- Số liệu thống kê, biểu đồ, bảng biểu sau khi xử lý dữ liệu khảo sát bằng phần mềm Microsoft Excel.

## 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Torshare Việt Nam

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Họ và tên** : Trần Thị Phương Mai

**Học hàm, học vị** : Thạc sĩ

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn** : 社交媒体抖音对 HPU 中文专业学生听说能力的影响研究  
(Nghiên cứu về ảnh hưởng của mạng xã hội Douyin đối với khả năng nghe và nói của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung tại HPU)

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 6 tháng 10 năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 27 tháng 12 năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2025*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHẤM PHẢN BIỆN**

Họ và tên giảng viên: .....

Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Đoàn Thị Thu

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh Trung

Đề tài tốt nghiệp: 社交媒体抖音对 HPU 中文专业学生听说能力的影响研究

**1. Phần nhận xét của giáo viên chấm phản biện**

.....  
.....  
.....  
.....

**2. Những mặt còn hạn chế**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Ý kiến của giảng viên chấm phản biện**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....*

**Giảng viên chấm phản biện**

# 目录

引言 .....	1
第一章：理论基础与研究综述 .....	5
1.1 理论基础 .....	5
1.1.1 社交媒体的概念 .....	5
1.1.2 抖音与短视频的特点 .....	5
1.1.3 外语学习中的听说技能 .....	6
1.1.4 输入假设与输出假设 .....	7
1.2 国内外研究综述 .....	8
1.2.1 国际研究综述 .....	8
1.2.2 国内研究综述 .....	9
1.3 研究空白 .....	10
第二章：HPU 汉语言专业学生抖音使用的调查情况 .....	11
2.1 问卷设计 .....	11
2.1.1 问卷结构 .....	11
2.1.2 问卷各题组内容 .....	11
2.1.3 量表与作答形式 .....	13
2.2 调查对象的现状 .....	14
2.2.1 按年级划分的学生现状 .....	14
2.2.2 按性别划分的学生现状 .....	16
2.3 使用抖音接触中文内容的现状 .....	17
2.3.1 观看中文内容的 抖音 使用频率 .....	17
2.3.2 每日观看 抖音 中文内容的平均时长 .....	19

2.4 调查现状的总体评价 .....	20
第三章：抖音对 HPU 学生汉语听力与口语能力影响分析 .....	22
3.1 抖音对汉语听力能力的影响分析 .....	22
3.1.1 对听懂简短对话和语速较快语言能力的影	22
3.1.2 对听懂日常生活中熟悉主题的能力影响 .....	24
3.1.3 对辨别汉语声调和语调能力的影响 .....	26
3.1.4 对听力反应速度和中文信息处理速度的影响 .....	28
3.1.5 对听懂实际交际语境中中文的能力影响 .....	29
3.1.6 抖音对听力能力的总体影响 (N) .....	31
3.2 抖音对汉语口语能力的影响分析 .....	33
3.2.1 对模仿汉语发音和语调能力的影响 .....	33
3.2.2 对学习和运用实际交际词汇、表达方式的影响 .....	35
3.2.3 对汉语发音和声调准确度的影响 .....	37
3.2.4 对汉语口语流利度的影响 .....	39
3.2.5 对中文交际自信程度的影响 .....	40
3.2.6 抖音对口语能力的总体影响 (S) .....	42
第四章：结论与建议 .....	45
4.1 研究结论 .....	45
4.2 研究局限 .....	45
4.3 建议 .....	46
4.3.1 对教师与课程设计的建议 .....	46
4.3.2 对学生的建议 .....	47
4.3.3 对学校的建议 .....	47
参考文献 .....	48



## 摘要

本研究的目的是了解抖音对海防管理与科技大学（HPU）中文专业学生汉语听说能力的影响。随着网络和数字教学的发展，抖音这样的短视频平台不只是用来娱乐，也慢慢成为学生学习第二语言的重要方式。很多学生通过抖音接触到真实的汉语听说环境。

本研究采用定量研究方法，通过问卷调查的方式，对 HPU 中文专业 50 名学生进行了调查，调查对象包括大一到大四的学生。研究主要了解学生使用抖音的频率和每天使用的时间，以及抖音在提高学生听力和口语方面的作用。听力方面主要包括学生对说话速度和语境的理解；口语方面主要包括说话的流利度和交际时的自信心。

调查结果表明，抖音在 HPU 中文专业学生中使用得非常多。98% 的学生每天使用抖音的时间超过两个小时。在听力方面，抖音对学生理解简短对话和适应较快的说话速度有明显的帮助。在口语方面，抖音可以提高学生说汉语时的自信心，也能帮助学生说话更加流利。

但是，研究也发现，如果没有系统的指导和反馈，抖音对学生发音的准确性和较复杂声调的学习帮助比较有限。通过对调查数据的分析，本研究指出了抖音在汉语听说学习中的优点和不足，并为高校中文听说课程如何更好地使用短视频平台提出了一些建议。

**关键词：** 社交媒体； 抖音； HPU； 中文专业； 听说能力

## 声明

本人郑重声明，题目为《社交媒体抖音对 HPU 中文专业学生听说能力的影响研究》的毕业论文，是本人在导师指导下独立完成的研究成果。论文中所引用的数据、资料及参考文献均来源明确、真实可靠。本人对论文的内容真实性、科学性和准确性承担全部责任，保证论文中不存在抄袭、剽窃或其他学术不端行为。

2025 年 12 月 26 号，海防

学生

段氏秋

## 致谢

首先，衷心感谢海防管理与科技大学学校领导以及中文系的全体老师，在我整个学习和研究过程中给予的悉心指导、知识传授及便利条件支持。

特别感谢我的指导老师陈氏芳梅硕士，在毕业论文撰写过程中，给予我耐心指导、方向引导和全程帮助。

同时，衷心感谢海防管理与科技大学中文专业的同学们，积极参与问卷调查，为本研究提供了必要的数据支持。

此外，感谢我的家人和朋友，在整个学习和研究过程中给予的鼓励、支持和帮助，使我能够顺利完成毕业论文。

虽然我已尽全力完成本课题，但仍难免存在不足之处。恳请各位老师提出宝贵意见，以帮助本论文进一步完善。

## 缩略语列表

缩略语	全称
HPU	海防管理与科技大学
Ex	Microsoft Excel
N	抖音对听力能力的总体影响
N1	听懂简短对话和语速较快语言能力
N2	听懂日常生活中熟悉主题的能力
N3	辨别汉语声调和语调能力
N4	听力反应速度和中文信息处理速度
N5	听懂实际交际语境中中文的能力
S	抖音对口语能力的总体影响
S1	模仿汉语发音和语调能
S2	学习和运用实际交际词汇、表达方式
S3	汉语发音和声调准确度
S4	汉语口语流利度
S5	中文交际自信程度
SD	标准差
M	均值

## 图表目录

图表 2.1 分年级学生的现状 .....	15
图表 2.2 分性别学生的现状 .....	16
图表 2.3 学生对抖音的使用频率 .....	18
图表 2.4 每日观看抖音中文内容的平均时长 .....	19
图表 3.1 听懂简短对话和语速较快语言能力 .....	22
图表 3.2 听懂日常生活中熟悉主题的能力 .....	24
图表 3.3 辨别汉语声调和语调能力 .....	26
图表 3.4 听力反应速度和中文信息处理速度 .....	28
图表 3.5 听懂实际交际语境中中文的能力 .....	30
图表 3.6 听力技能改善程度的平均值 .....	32
图表 3.7 模仿汉语发音和语调能力 .....	34
图表 3.8 学习和运用实际交际词汇、表达方式 .....	36
图表 3.9 汉语发音和声调准确度 .....	37
图表 3.10 汉语口语流利度 .....	39
图表 3.11 中文交际自信程 .....	41

## 表格目录

表格 2.1 调查问卷各部分内容与题目数量 .....	11
表格 2.2 五级李克特量表说明 .....	13
表格 2.3 分年级学生的现状 .....	14
表格 2.4 分性别学生的现状 .....	16
表格 2.5 学生对抖音的使用频率 .....	17
表格 2.6 每日观看抖音中文内容的平均时长 .....	19
表格 3.1 听懂简短对话和语速较快语言能力 .....	22
表格 3.2 听懂日常生活中熟悉主题的能力 .....	24
表格 3.3 辨别汉语声调和语调能力 .....	26
表格 3.4 听力反应速度和中文信息处理速度 .....	28
表格 3.5 听懂实际交际语境中中文的能力 .....	29
表格 3.6 抖音对听力能力的总体影响 .....	31
表格 3.7 模仿汉语发音和语调能力 .....	34
表格 3.8 学习和运用实际交际词汇、表达方式 .....	35
表格 3.9 汉语发音和声调准确度 .....	37
表格 3.10 汉语口语流利度 .....	39
表格 3.11 中文交际自信程 .....	40
表格 3.12 抖音对口语能力的总体影响 .....	42

# 引言

## 1. 选题背景与研究意义

在信息技术迅速发展的背景下，社交网络已深度融入青年群体，尤其是大学生的日常生活之中。以抖音为代表的短视频平台，凭借内容形式直观、生动、传播速度快等特点，正在逐渐改变人们获取信息、交流互动以及学习外语的方式。在大学生群体中，抖音的使用频率较高，其影响力日益显著。

随着短视频内容的不断丰富，抖音已不再局限于娱乐功能，而逐渐成为学习语言的重要辅助工具。平台上大量与外语学习相关的视频内容，涵盖真实语境中的语言使用、标准发音示范以及贴近日常生活的交际场景，为学习者提供了丰富的语言输入资源。在轻松、灵活的学习环境中，学习者能够更频繁地接触目标语言，从而提高学习兴趣与参与度。

从外语习得的角度来看，语言输入在听说能力的发展过程中具有重要作用。Krashen（1982）提出，学习者只有在不断接触到“可理解的语言输入”时，才能有效促进外语习得。现代研究也指出，短视频等社交媒体内容能够提供生动、真实的语言情境，有助于学习者提高听说能力（Godwin-Jones, 2019）。

对于海防管理与科技大学（HPU）中文专业的学生而言，听说能力不仅是语言学习的核心内容，也是未来从事翻译、商务、旅游及教育等相关职业的重要基础。然而，在实际学习过程中，部分学生仍然存在听力理解不够准确、口语表达不够流利等问题。抖音平台所提供的多样化中文短视频资源，为学生创造了接触真实语言环境的机会，有助于弥补课堂教学在听说训练方面的不足。

基于以上背景，本文拟开展“抖音社交平台对海防管理与科技大学中文专业学生听说能力影响研究”。本研究旨在探讨抖音在中文听说学习中的作用，不仅有助于丰富社交媒体与外语学习相关的研究成果，也为高校中文听说教学提供一定的实践参考，具有一定的理论意义与现实价值。

## 2. 研究目标

本研究的总体目标是评估社交媒体平台抖音对海防管理与科技大学（HPU）中文专业学生汉语听说能力提升的影响程度。在此基础上，研究将探究并提出将该社交媒体平台有效融入汉语教学的策略与建议，从而为优化教学效果和提高学生语言实践能力提供实践依据与参考。

为实现上述总体目标，本研究将集中实现以下具体目标：

- 探明 HPU 中文专业学生使用抖音的普及率、使用频率及其主要用途。
- 分析学生使用抖音的频率与汉语听说能力提升程度之间的相关性。
- 评估学生在使用抖音学习汉语过程中的认知、情感态度及其实际学习体验。
- 提出针对性强、操作性高的建议与对策，以将抖音有效应用于 HPU 的汉语教学实践，进而提升学生的听说能力与学习积极性。

## 3. 研究范围

本研究旨在探讨抖音对中文专业学生汉语听说能力的影响，其具体对象与范围界定如下：

### *研究对象与样本*

本研究的主要研究对象为抖音的使用对中文专业学生汉语听说能力的影响。研究样本由海防管理与科技大学（HPU）中文专业一至四年级共 50 名学生组成。

### *研究范围*

研究范围主要从空间、时间与内容三个维度进行界定：

- 空间范围：仅限于海防管理与科技大学。
- 时间范围：数据的收集与分析主要集中在 2025 年 10 月至 12 月期间。
- 内容范围：本研究重点考察抖音对汉语的两项基本交际技能——听力与口语的影响，不涉及阅读与写作能力。

## 4. 研究方法

本研究采用定量研究方法，旨在以客观、系统的方式评估抖音社交平台对海防管理与科技大学（HPU）中文专业学生汉语听说能力的影响程度。定量研究通过收集和分析数值型数据，对研究变量之间的关系进行描述和分析，有助于提高研究结果的客观性和可信度。

在本研究背景下，定量研究方法能够有效探讨学生使用抖音的情况与其汉语听说能力之间的关系。通过对学生使用频率、使用目的以及学习感受等方面的数据进行统计分析，可以较为清晰地反映抖音在汉语学习中的潜在作用。

本研究以问卷调查作为主要的数据收集工具。问卷内容围绕研究目的进行设计，主要包括以下几个方面：

- 学生使用抖音的频率及目的；
- 抖音对汉语听力能力的影响；
- 抖音对汉语口语能力的影响；
- 学生对自身汉语听说能力在使用抖音前后的自我评价。

问卷回收后，研究者将对收集到的数据进行整理与编码，并借助 Ex 软件进行统计分析。通过上述分析方法，可以较为全面地了解抖音社交平台在汉语听说学习中的影响效果。

选择定量研究方法与本研究的目标高度契合。一方面，该方法能够较为直观地反映抖音使用情况对学生听说能力的影响程度；另一方面，也有助于总结 HPU 中文专业学生将抖音作为学习辅助工具的整体趋势，为后续教学实践提供参考依据。

## 5. 论文结构

本论文共分为四个主要章节。

- 第一章：理论基础与研究综述。

- 第二章：HPU 汉语言专业学生抖音使用的调查情况。
- 第三章：抖音对 HPU 学生汉语听力与口语能力影响分析。
- 第四章：结论与建议。

# 第一章：理论基础与研究综述

## 1.1 理论基础

### 1.1.1 社交媒体的概念

“社交媒体”是指依托互联网技术发展起来的一类在线交流平台，用户可以在平台上创建个人信息、发布内容，并与其他人进行互动与交流。这类平台强调用户之间的连接性与互动性，使信息能够在网络环境中快速传播。随着信息技术的不断进步，社交媒体逐渐从以文字交流为主的形式，发展为融合文字、图片、音频与视频等多种媒介形态的综合性平台。用户既是信息的接收者，也是内容的创造者和传播者，这一特征在一定程度上增强了信息传播的广度与效率。随着信息技术的不断进步，社交媒体逐渐从以文字交流为主的形式，发展为融合文字、图片、音频与视频等多种媒介形态的综合性平台。用户既是信息的接收者，也是内容的创造者和传播者，这一特征在一定程度上增强了信息传播的广度与效率。从技术与功能角度来看，社交媒体通常被视为基于互联网应用的发展成果，其运行依托于网络技术，使用户能够创建和分享内容，并进行互动交流（Kaplan & Haenlein, 2010）。在当今社会，社交媒体已广泛应用于人们的日常生活、学习与工作之中。总体而言，社交媒体在满足用户社交需求的同时，也逐渐成为信息传播和学习实践的重要工具，对社会生活的多个方面产生了积极影响。

### 1.1.2 抖音与短视频的特点

抖音是由字节跳动公司开发的一款短视频社交平台，自上线以来在中国及其他国家和地区迅速普及。作为以短视频为主要内容形式的平台，抖音在内容呈现方式、传播机制以及用户参与模式等方面具有较为突出的特点，逐渐成为当前最具影响力的社交媒体平台之一。研究发现，随着短视频应用的广泛普及，其“短格式内容、碎片化呈现、融合多媒体形式”的核心特征已成为当代社交媒体研究的热点议题之一（Yuan & Wang, 2024）。

从内容形式来看，抖音以时长较短的视频为核心，内容涵盖娱乐、生活记录、知识分享及教育等多个领域。相关研究普遍认为，短视频通过将声音、画面与节奏紧密结合，能够在较短时间内吸引用户注意力，适应用户碎片化的使用习

惯，并具有较强的信息传播效率。这种形式在一定程度上降低了信息获取的难度，有利于用户快速理解内容。

在平台功能方面，抖音具有较高的互动性。用户可以通过点赞、评论、分享以及二次创作等方式参与内容传播，从而形成较为活跃的交流环境。同时，大量实证研究指出，抖音等短视频平台的算法推荐机制通过分析用户行为数据（如观看时长、点赞、评论等）实现个性化内容推送，从而显著提升用户参与度和停留时间（Wang, 2025）。

此外，个性化推荐机制是抖音平台的重要特征之一。平台会根据用户的观看行为和互动记录，对内容进行分析并进行定向推送，从而提高用户接触到符合自身兴趣内容的概率。该机制使用户能够持续接触到贴近真实生活语境的视频内容，为语言学习提供了潜在的真实语料环境。总体而言，抖音短视频具有内容简短、生动直观、互动性强以及推荐机制智能化等特点。这些特征不仅促进了信息的快速传播，也为其在学习和语言实践等方面的应用提供了现实可能性。

### 1.1.3 外语学习中的听说技能

在外语学习过程中，听力技能和口语技能是语言交际能力的重要组成部分，也是学习者实现有效沟通的基础。听与说通常被视为相互联系、相互促进的两项语言技能，学习者需要在真实交际情境中同步完成信息的接收、理解与表达，因此具有较强的实践性和即时性。

听力技能是指学习者对目标语语音信息进行接收、辨识和理解的能力，是外语习得过程中的基础性技能之一。听力理解并非单纯的被动接受，而是一个涉及语音识别、词汇理解、语法分析以及语境推断等多层次认知加工的过程。在汉语学习中，由于声调系统较为复杂、语速相对较快以及语音节奏与学习者母语存在差异，听力理解往往成为学习者面临的主要困难之一。

从外语习得的角度来看，学习者在持续接触与自身语言水平相适应的真实语言材料时，能够逐步提高对目标语的理解能力。（Krashen, 1985）指出，语言习得需要建立在“可理解输入”的基础之上，即学习者通过不断接触略高于自身水平的语言材料，逐渐提升语言理解能力。在此基础上，通过影视作品、日常对话以及

短视频平台等形式接触真实语料，有助于学习者熟悉目标语的语音特点和表达方式，从而促进听力能力的发展。

与听力技能相对应，口语技能是指学习者运用目标语清晰、连贯地表达思想和情感的能力。口语表达不仅依赖于词汇和语法知识，还受到发音准确性、语调节奏、表达流利度以及交际情境适应能力等多种因素的影响，因此是一种综合性较强的语言技能。

在汉语口语学习过程中，学习者常常受到声调掌握不准确、发音部位不熟练以及真实交流机会有限等因素的制约，这在一定程度上影响了口语能力的发展速度和学习自信心。

在此背景下，短视频平台为学习者提供了大量贴近真实生活的语言素材，包括日常对话、情境交流以及教学类内容。相关研究表明，通过学习导向的短视频材料可以显著提高学习者的听说能力，尤其在听力理解和口语表达方面表现出明显进步（Cheng, 2024）。学习者可以通过反复观看和模仿母语者的发音、语调和表达方式，在相对轻松的环境中增加语言输入，并逐步为口语输出创造条件。

#### 1.1.4 输入假设与输出假设

在第二语言习得研究中，语言输入与语言输出被普遍认为是影响语言能力发展的两个重要因素。学习者通过不断接触目标语并在实际情境中进行语言运用，能够逐步完善语言系统，提高语言理解和表达能力。

从语言输入的角度来看，学习者需要在学习过程中持续接触具有意义且可理解的语言材料。（Krashen, 1982）提出，只有当输入内容略高于学习者当前语言水平、但仍在其理解范围之内时，语言习得才能有效发生。在数字化环境中，抖音等短视频平台能够为学习者提供大量真实、生动且贴近生活的语言素材，使学习者在自然语境中反复接触目标语，从而为语言习得创造有利条件。

除语言输入外，语言输出同样在外语学习中发挥着重要作用。（Swain, 1985）指出，语言输出不仅是练习表达的机会，还能够帮助学习者发现自身语言能力的不足，并通过尝试、调整与修正巩固语言知识。在抖音平台上，学习者可

以通过模仿视频内容、录制配音、参与口语挑战以及评论互动等方式进行语言输出，这些活动在一定程度上促进了语言表达能力的发展。

语言输入与语言输出的相互结合，构成了一个较为完整的学习过程，即通过输入获取语言信息，再通过输出验证和巩固所学内容。这一过程为在数字化环境中开展外语听说教学提供了重要的理论支持，也为利用短视频平台促进语言学习奠定了基础。

基于第二语言习得中语言输入与语言输出相关理论，本研究提出以下研究假设，以作为后续描述性数据分析的理论参考框架：

- 抖音的使用可能对学生汉语听力能力产生积极影响。

该假设主要基于抖音平台能够为学习者提供大量真实语境下的语言输入，从而有助于提升听力理解能力。

- 抖音的使用可能对学生汉语口语能力产生积极影响。

该假设基于抖音平台为学习者提供多样化的语言输出机会，有助于其在实际运用中提升口语流利度、发音表现及交际自信心。

本研究不对假设进行统计推断意义上的检验，而是通过描述性统计方法，对学习者的主观评价结果进行分析，以观察数据分布趋势是否与上述研究假设相一致。

## 1.2 国内外研究综述

### 1.2.1 国际研究综述

在国际语言教育研究领域，随着数字媒体技术的发展，短视频和社交媒体作为辅助外语学习的工具受到越来越多学者的关注（Godwin-Jones, 2018）。短视频不仅作为信息传播的媒介，还逐渐成为外语学习的研究主题之一，在教学实践和语言习得研究中显示出独特的潜力。相关文献表明，短视频能够为学习者提供多模态语言输入（如图像、声音和语境结合），从而增强学习者对语言材料的理解和记忆，有助于提升外语学习效果。近期的文献综述指出，短视频已成为外语教学与学习研究中的独立课题，并被广泛应用于促进学习动机、学习参与度以及语

言技能的发展。这种多模态输入有助于为学习者创造更贴近真实语境的学习经验，有利于听说技能的提升（Zhang, Lucas & Pedro, 2022）。

国际研究还发现，社交媒体作为外语学习平台的使用，不仅能够提供大量真实语言材料，还能够通过互动性和即时反馈促进学习者的语言实践。已有研究从宏观角度审视社交媒体在外语学习中所起的支撑作用，指出社交媒体能够通过提供真实语料、跨文化交流机会以及互动性学习环境来促进包括听说技能在内的多项语言能力的发展，同时也指出了社交媒体整合到语言教学中的潜在挑战（Zhou, 2022）。

总体而言，国际研究普遍认为，短视频与社交媒体平台为外语学习提供了新的有效资源和练习环境，既可以作为课堂教学的有益补充，也能显著提升学生的听说练习机会。这些研究为将抖音等短视频平台应用于汉语听说教学提供了坚实的理论基础。

### 1.2.2 国内研究综述

近年来，越南外语教育研究逐渐关注社交媒体和短视频平台在汉语学习中的应用，尤其是在提升听说能力和增强学习动机方面。

从学习动机与参与度角度来看，Nguyễn & Nguyễn (2019) 强调，移动辅助语言学习（MALL）能够有效扩展自学环境，其生动、紧凑的内容形式能吸引学生注意力，增强学习兴趣，并显著提高课外参与汉语实践的频率。这种基于兴趣驱动的学习方式有助于学生在非正式环境下增加语言接触，为听说能力的发展创造条件。

在语言技能提升方面，国内学者已开始探索 TikTok 在汉语口语教学中的具体应用。Nguyễn 等人 (2023) 的研究证明，在 TikTok 平台上构建针对初级汉语水平的教学视频，能够有效增加学生的口语练习机会，降低交际焦虑，并增强其表达自信心。此外，Luu (2023) 也发现，利用社交媒介的互动特性，学生能够更有效地运用社交与情感策略来优化汉语听说表现。

总体而言，国内研究普遍肯定了短视频平台在汉语学习中的辅助价值。这些研究成果为探讨抖音平台在越南高校汉语听说教学中的应用提供了坚实的实践依据，同时也表明该领域仍具有进一步深入研究的空间。

### 1.3 研究空白

通过对国内外相关研究的系统梳理可以发现，短视频及社交媒体平台在外语学习中的应用已成为当前语言教育研究的重要方向。总体来看，既有研究普遍认为，短视频平台能够为学习者提供真实语言材料，并在一定程度上促进词汇学习、听说能力发展以及学习动机的提升。无论是在国际研究还是越南国内研究中，抖音及类似平台的教学潜力均得到了初步肯定。

然而，现有研究仍存在若干值得进一步探讨的研究空白。首先，从研究对象来看，国内研究多集中于英语学习领域，或主要考察学习者对社交媒体的使用态度与学习动机，而针对抖音辅助汉语学习的实证研究数量仍然有限，尤其缺乏对汉语听力与口语能力提升效果的直接分析。

其次，从研究内容来看，已有研究往往侧重于单一层面的学习效果，如观看视频对听力理解的影响，或模仿视频对口语发音的作用，而较少从整体角度探讨语言输入与语言输出相结合对听说能力发展的综合影响。这在一定程度上限制了对短视频平台语言学习机制的深入理解。

基于上述研究空白，有必要开展针对具体学习群体的实证研究，以进一步验证抖音在汉语听说教学中的实际作用。因此，本研究以海防管理与科技大学（HPU）中文专业学生为研究对象，采用定量研究方法，系统考察抖音使用情况与汉语听说能力之间的关系，旨在为抖音辅助汉语听说教学提供更加明确的实证依据。

## 第二章：HPU 汉语言专业学生抖音使用的调查情况

### 2.1 问卷设计

在本研究中，问卷调查被选为主要的的数据收集工具，用于了解海防管理与科技大学（HPU）中文专业学生在汉语学习过程中使用抖音的情况，并评估学生的学习动机、学习兴趣以及其对汉语听说能力的自我评价。问卷调查作为一种常见的定量研究工具，能够有效收集学习者的态度和行为数据，并为统计分析提供基础（Creswell, 2014）。

本问卷共包含 14 个问题，内容划分为三个主要板块。问卷采用五点李克特量表，选项从“1 = 完全不同意”到“5 = 完全同意”，以便受访者根据自身实际情况表达对各项陈述的认同程度。该量表有助于将主观感受转化为可量化的数据，从而提高数据分析的可操作性和研究结果的客观性。

#### 2.1.1 问卷结构

表格 2.1 调查问卷各部分内容与题目数量

	内容	题目数量	目的
部分	个人信息	2	确定参与者的人口学特征（性别、年级、年龄）
B	抖音使用程度	2	调查抖音的使用频率、使用时长及使用目的，从而确定该平台在汉语学习过程中的作用
C	对听说能力的影响	10	探讨学生对使用抖音作为学习辅助工具后汉语听说技能提升的认知与感受

#### 2.1.2 问卷各题组内容

基本信息题组，本题组旨在获取研究对象的人口学特征，为后续差异性分析提供基础。

- 你是大学几年级学生？

- 大一
- 大二
- 大三
- 大四

- 性别?

- 男生
- 女生

抖音使用现状题组，本题组用于量化学生观看中文内容的频率和时间，以确定其使用强度。

- 你使用抖音观看中文内容（不分学习目的）的频率如何?

- 很少（每周 0-1 天）
- 偶尔（每周 2-3 天）
- 一般（每周 4-5 天）
- 经常（每周 6 天）
- 每天（每周 7 天）

- 你平均每天用于观看抖音中文内容的总时间（估算）是多久?

- 少于 15 分钟
- 15 至 30 分钟
- 30 至 60 分钟
- 1 至 2 小时
- 多于 2 小时

听力技能自我评估题组，本题组评估抖音对学生汉语听力技能各项要素的促进作用，旨在衡量输入的效果。

- 观看抖音有助于你提高对语速快、时长短对话的听力理解能力?

- 通过接触抖音视频，你能够更好地听懂并理解日常生活相关主题（如美食、旅游、社会生活）的中文内容？
  - 你认为抖音帮助你更清晰、更准确地分辨汉语声调（音调）？
  - 你感觉自己的汉语听力反应速度和信息处理能力得到显著改善？
  - 抖音帮助你熟悉真实的交际语境，从而提高了你对日常汉语的听力理解能力？
- 口语技能与自信心自我评估题组，本题组评估抖音对学生汉语口语技能（包括发音，流利，自信）的促进作用，旨在衡量输出的效果。
- 你使用抖音来模仿发音（标准音、语调）并感受到口语有明显进步。
  - 借助抖音，你学会了并在实际交际中使用了符合语境的词汇/表达方式。
  - 你感觉自己的汉语发音和声调变得更准确。
  - 抖音帮助你提高了汉语口语的流利度，减少了停顿和不连贯。
  - 由于经常接触抖音上的语言，你在进行汉语交流时感到更加自信。

### 2.1.3 量表与作答形式

表格 2.2 五级李克特量表说明

等级	含义
1	完全不同意
2	不同意
3	中立
4	同意
5	完全同意

选择五点李克特量表的理由：

- 容易让学生理解
- 便于进行定量数据分析
- 可以详细测量受访者的认同程度
- 适用于研究学习者行为和学习态度

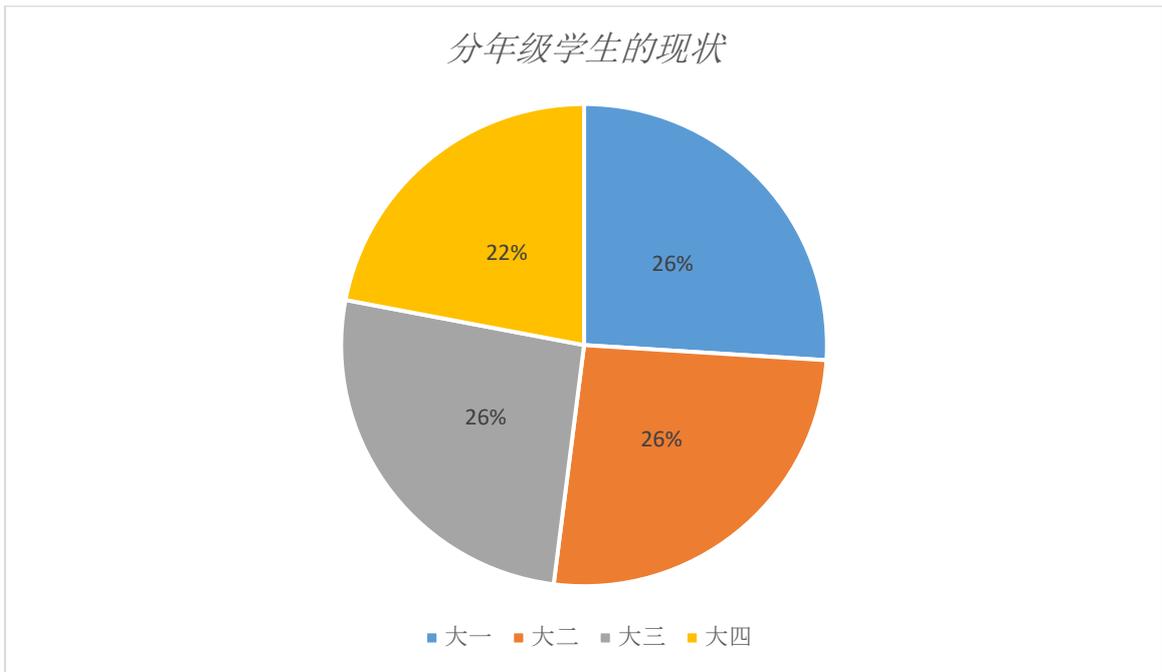
## 2.2 调查对象的现状

### 2.2.1 按年级划分的学生现状

参与研究的学生来自大一、大二、大三和大四各年级。选择不同年级的学生旨在增加学习经验的多样性，同时反映不同阶段学生的观点和认知差异。

表格 2.3 分年级学生的现状

年级	学生人数	比例 (%)
大一	13	26%
大二	13	26%
大三	13	26%
大四	11	22%
总计	50	100%



图表 2.1 分年级学生的现状

基于表 2.3 和图 2.1 所呈现的学生年级结构可以看出，本研究共调查了 50 名学生，各年级之间的样本分布较为均衡。具体而言，大一、大二和大三学生人数均为 13 人，分别占样本总数的 26%；大四学生为 11 人，占 22%，比例略低于其他年级。

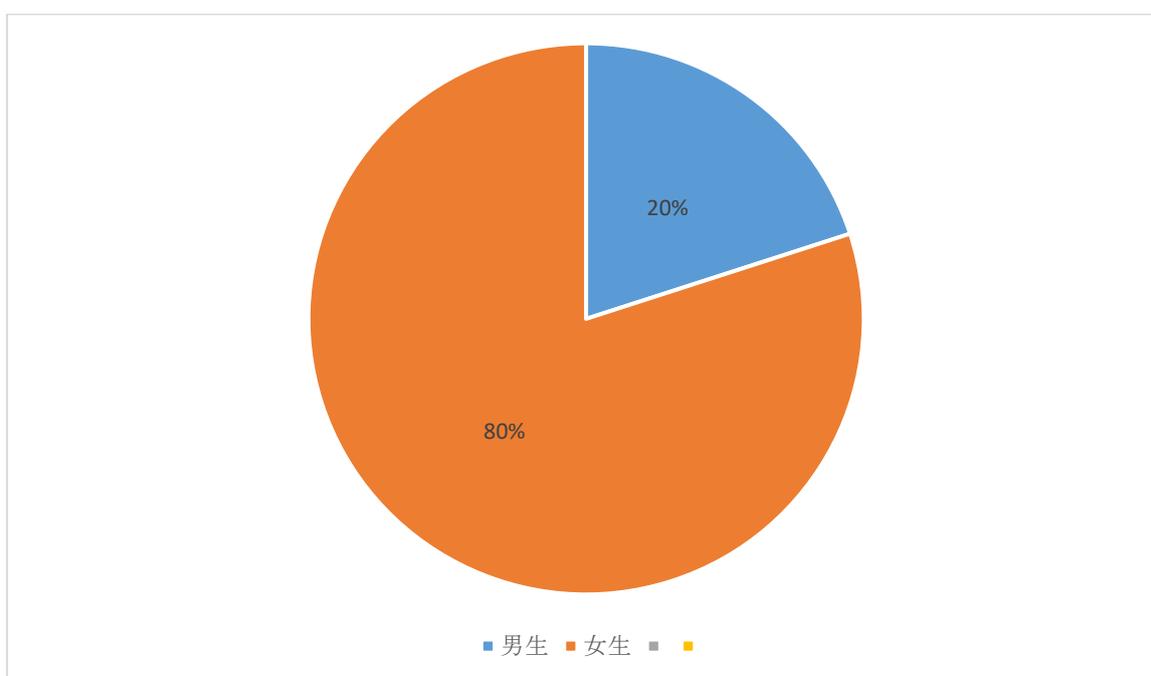
总体来看，研究样本在年级结构方面不存在明显差异，呈现出相对均衡的分布特征。这种样本结构有助于收集处于不同学习阶段学生的观点与学习特征，既包括刚进入大学、逐步适应学习环境的学生，也涵盖了即将完成学业的高年级学生。

此外，将不同年级学生纳入研究范围，有助于更全面地反映学生在汉语学习过程中的实际情况，从而在一定程度上减少因单一年级样本而可能产生的偏差。考虑到学生的学习行为和学习态度可能随学习阶段的变化而有所不同，这种样本分布为后续数据分析提供了较为稳固的基础。

### 2.2.2 按性别划分的学生现状

表格 2.4 分性别学生的现状

性别	学生人数	比例 (%)
男生	10	20
女生	40	80
总计	50	100



图表 2.2 分性别学生的现状

基于表 2.4 和图 2.2 所示的研究样本性别结构可以看出，本研究样本中 女性学生占比明显高于男性学生。具体而言，样本中共有 40 名女性学生，占样本总数的 80%；男性学生为 10 名，占 20%。

从整体结构来看，研究样本在性别分布方面呈现出一定程度的不均衡性。这一现象在一定程度上反映了研究对象或调查群体在性别构成上的实际情况，尤其

是在某些专业或研究领域中，女性学生比例本身较高。因此，该性别分布具有一定的现实基础和合理性。

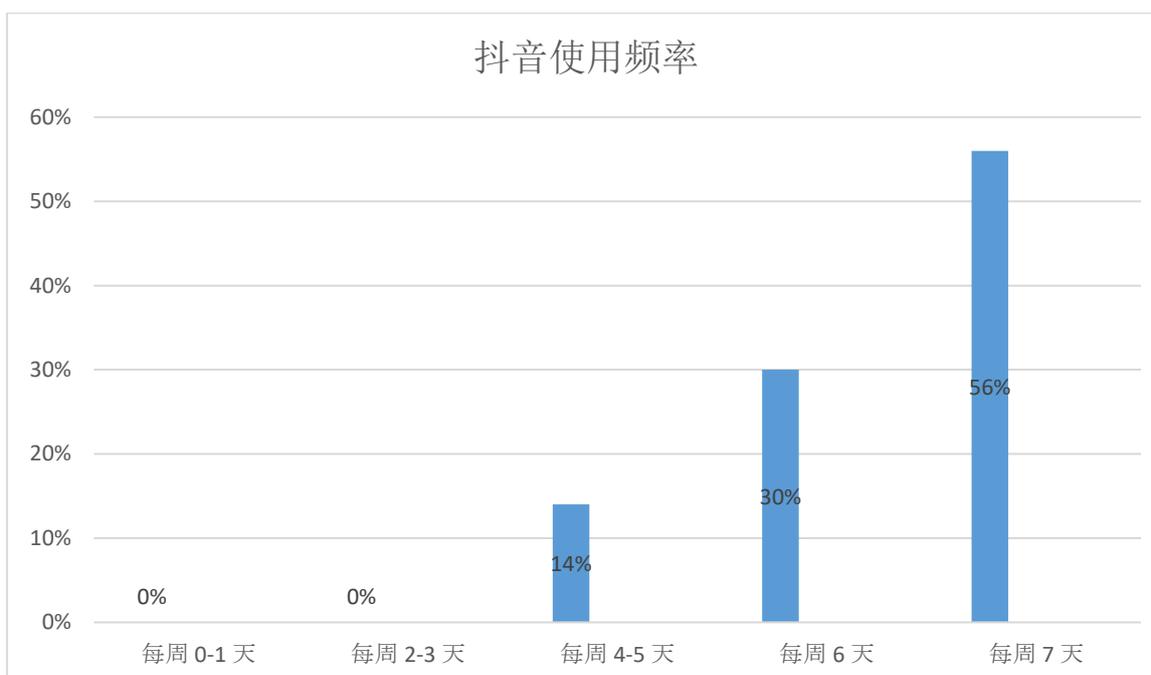
然而，需要指出的是，性别比例的差异可能在一定程度上影响研究结果的普遍适用性，尤其是在涉及性别差异相关分析时。因此，在后续数据分析与结果解释过程中，有必要充分考虑性别结构这一因素，以避免因性别比例失衡而产生的潜在偏差，从而确保研究结论的科学性与客观性。

## 2.3 使用抖音接触中文内容的现状

### 2.3.1 观看中文内容的 抖音 使用频率

表格 2.5 学生对抖音的使用频率

程度	人数	百分比 (%)
每周 0-1 天	0	0%
每周 2-3 天	0	0%
每周 4-5 天	7	14%
每周 6 天	15	30%
每周 7 天	28	56%



图表 2.3 学生对抖音的使用频率

根据表 2.5 和图 2.3 所呈现的学生抖音使用频率数据可以看出，海防管理与科技大学（HPU）汉语专业学生对抖音平台的使用频率整体较高。具体而言，没有学生选择每周使用抖音 0-3 天，这表明抖音已在较大程度上融入学生的日常生活，成为其日常行为模式中的重要组成部分。

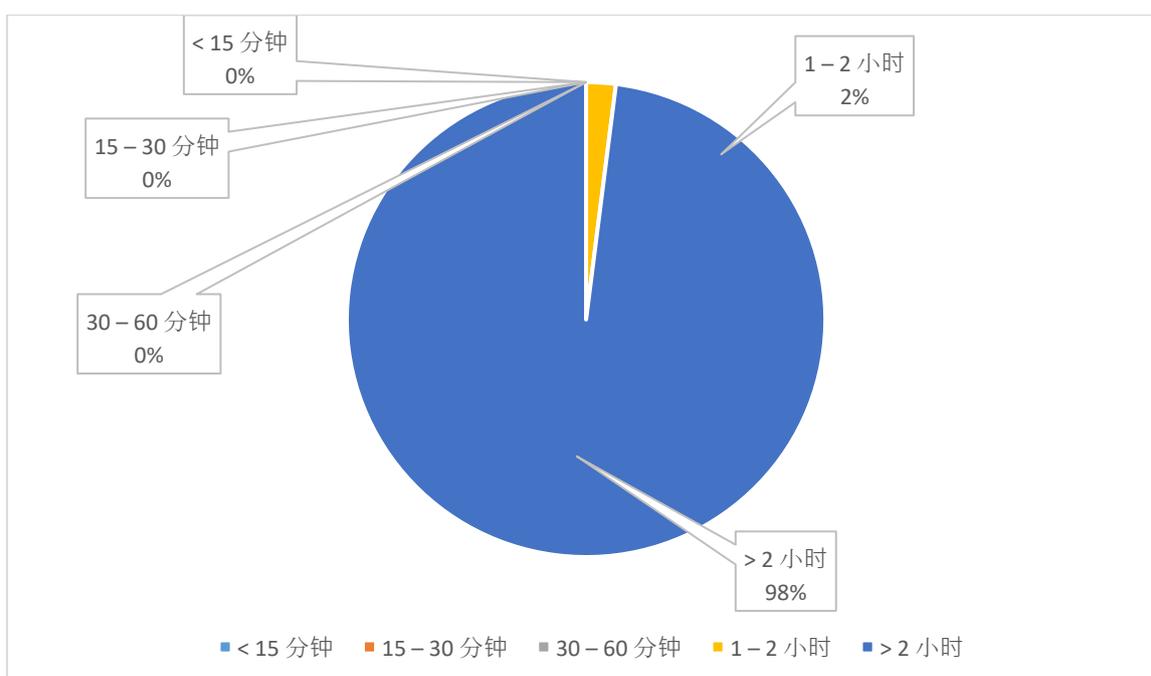
在样本中，有 14% 的学生表示每周使用抖音 4-5 天，说明仍有少部分学生保持相对规律但并非每日使用的习惯。同时，30% 的学生每周使用抖音 6 天，而占比最高的群体为每周使用 7 天的学生，其比例达到 56%。这一结果显示，绝大多数学生几乎每天都会接触抖音平台，平台使用呈现出高度普遍化和常态化的特征。

总体来看，抖音在研究对象中的使用频率较高，为后续分析其在汉语学习，尤其是听说能力发展中的潜在影响提供了现实基础。

### 2.3.2 每日观看 抖音 中文内容的平均时长

表格 2.6 每日观看抖音中文内容的平均时长

时间	人数 (n)	百分比 (%)
< 15 分钟	0	0%
15 – 30 分钟	0	0%
30 – 60 分钟	0	0%
1 – 2 小时	1	2%
> 2 小时	49	98%



图表 2.4 每日观看抖音中文内容的平均时长

根据表 2.4 和图 2.3 所呈现的学生在抖音上观看中国相关内容的日均时长数据可以看出，研究对象的整体使用时长较高。具体而言，没有学生的日均观看时长低于 60 分钟，说明所有受访学生每天至少会花费 1 小时在抖音平台上观看相关内容。

在样本中，仅有 1 名学生（占 2%）的日均使用时长为 1 至 2 小时，而绝大多数学生（98%）每天在抖音上观看中国内容的时间均超过 2 小时。这一结果表明，抖音在学生日常生活中具有较高的使用频率和黏着度，已成为其日常活动中的重要组成部分。

从学习行为角度来看，较长的使用时长意味着学生能够持续、反复地接触中文相关内容，为语言信息的接收与理解提供了充足条件。同时，频繁接触真实语言情境，也有助于学生在潜移默化中熟悉汉语的语音、语调和表达方式。

总体而言，调查结果显示，抖音不仅是学生娱乐生活中的常用平台，也是一个学生投入大量时间使用的媒介。这为后续分析抖音对汉语听力和口语能力的影响提供了重要的现实基础。

## 2.4 调查现状的总体评价

综合以上对调查对象基本特征及其使用抖音接触中文内容现状的分析可以看出，本研究所选取的样本在年级、性别以及抖音使用行为等方面具有较为清晰且稳定的结构特征。从样本构成来看，研究对象涵盖了大一至大四各年级学生，年级分布相对均衡，有助于从不同学习阶段的视角全面考察抖音使用情况及其潜在学习影响。同时，尽管样本在性别比例上呈现出女性学生占比较高的特点，但这一现象在一定程度上符合汉语专业学生的实际性别结构，因此具有一定的现实合理性。

从抖音使用情况来看，调查结果显示，HPU 汉语专业学生整体上对抖音平台具有高度依赖性和频繁使用特征。绝大多数学生每周使用抖音的频率不低于 6 天，且每日观看中文内容的平均时长普遍较高，其中绝大部分学生每天花费超过 2 小时接触抖音。这一结果表明，抖音已不仅仅是一种娱乐或社交工具，而是在学生日常生活中占据了重要位置，并成为其接触中文语言输入的重要媒介之一。

从第二语言习得的角度来看，如此高频率且长时段的中文内容接触，为学习者提供了较为充足的语言输入环境。这种持续性输入在理论上有利于促进学习者

对目标语言的理解与内化，并可能进一步影响其听力理解能力和口语表达能力（Krashen, 1985）。因此，本研究所调查的抖音使用现状，为后续探讨抖音在中文听力与口语学习中的作用提供了现实基础与研究必要性。

总体而言，本次调查在样本结构和使用行为层面均呈现出较为明确的特征，能够较为真实地反映 HPU 汉语专业学生使用抖音接触中文内容的整体状况。尽管研究样本在规模和抽样方式上仍存在一定局限性，但其结果在本研究范围内仍具有较好的参考价值和解释意义，为后续实证分析和讨论抖音对中文听说能力的影响奠定了坚实基础。

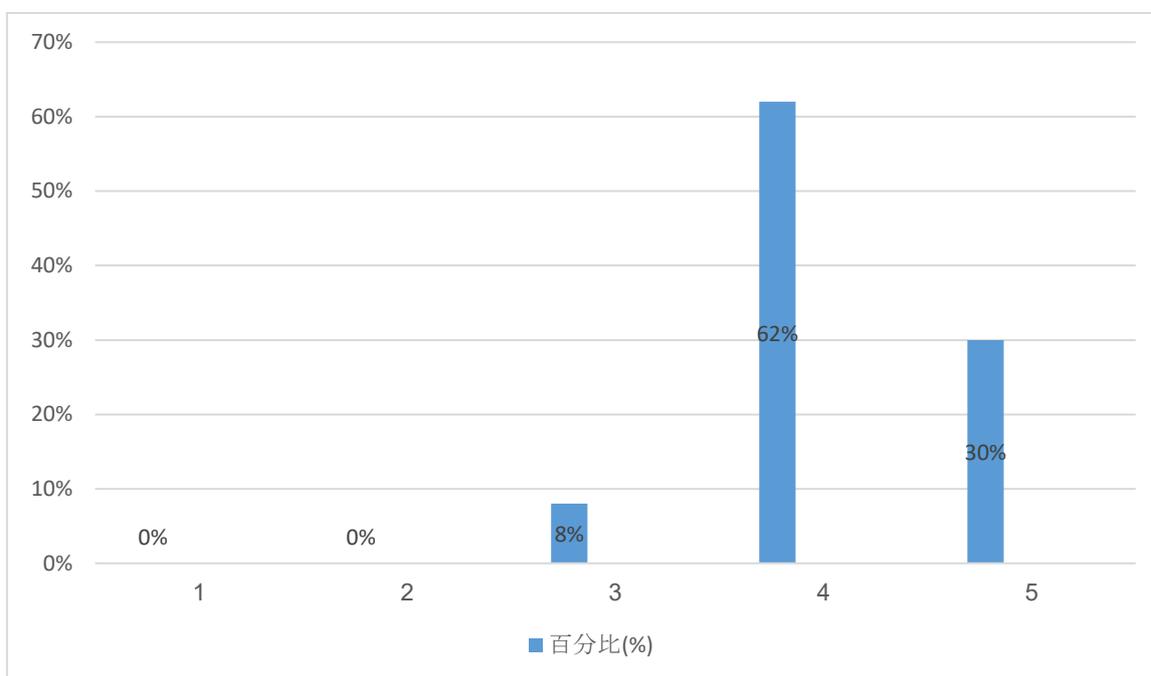
### 第三章：抖音对 HPU 学生汉语听力与口语能力影响分析

#### 3.1 抖音对汉语听力能力的影响分析

##### 3.1.1 对听懂简短对话和语速较快语言能力的影响

表格 3.1 听懂简短对话和语速较快语言能力

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	0	0
3. 中立	4	8
4. 完全同意	31	62
5. 同意	15	30



图表 3.1 听懂简短对话和语速较快语言能力

根据表 3.1 和图 3.1 关于“抖音使用对理解汉语短对话及较快语速影响”的调查结果可以看出，受访学生对该影响的整体评价呈现出明显的正向倾向。在所有

调查对象中，没有学生选择“完全不同意”或“不同意”，这表明学生普遍认可抖音在提升其理解短对话和较快语速方面所发挥的积极作用。

具体而言，选择“中立”选项的学生共有 4 人，占 8%，说明仅有少数学生对该影响持保留态度，可能尚未在实际学习中形成明显体验或效果认知。与此同时，选择“同意”的学生为 15 人，占 30%；选择“完全同意”的学生多达 31 人，占 62%，两者合计比例高达 92%。这一结果表明，绝大多数学生明确认为，通过抖音接触中文内容有助于其理解日常交流中的短对话，并逐步适应较快的语速。

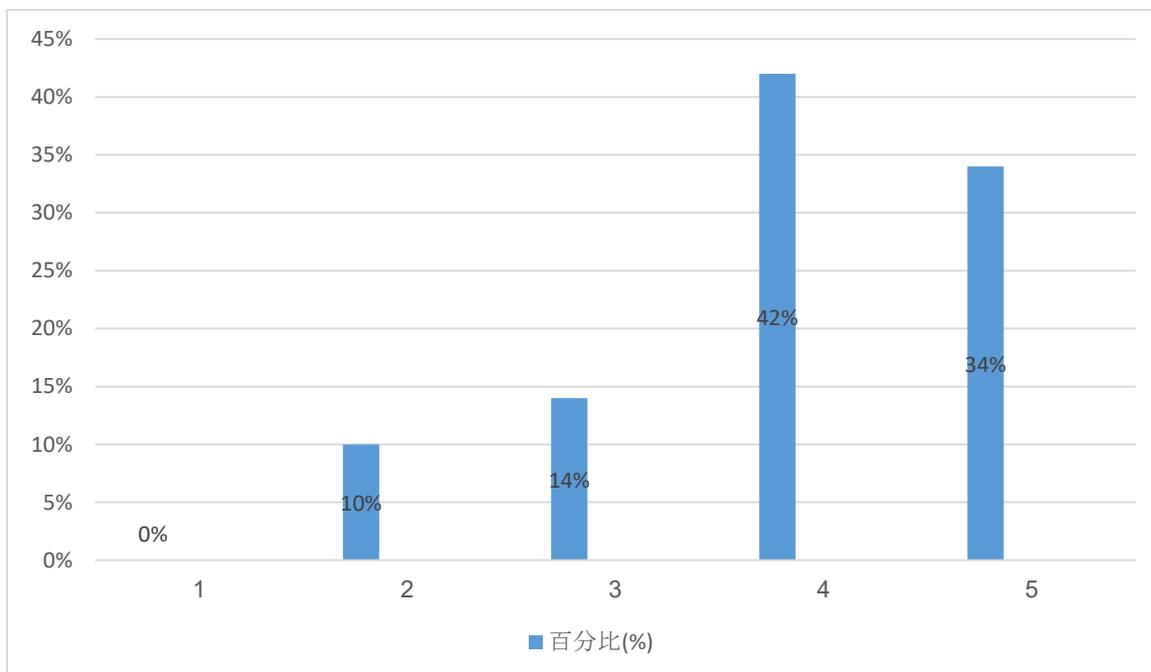
从语言输入角度来看，抖音平台上的视频内容通常具有语境真实、语速自然甚至偏快、语言形式口语化等特点，学习者在高频次接触此类语言材料的过程中，能够逐渐提高对真实语流的敏感度和适应能力。这种“接近真实语境”的输入方式，有助于弥补传统课堂中听力材料语速相对规范、节奏较慢的不足，从而在一定程度上提升学生对快速口语表达的理解能力。

总体而言，该调查结果显示，抖音在帮助学生理解汉语短对话以及适应较快语速方面具有较为显著的积极影响。这不仅验证了抖音作为辅助汉语听力学习工具的潜在价值，也为后续进一步分析其对听力各子技能（如语音识别、语义理解和语篇处理能力）的影响提供了现实依据。

### 3.1.2 对听懂日常生活中熟悉主题的能力影响

表格 3.1 听懂日常生活中熟悉主题的能力

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	5	10
3. 中立	7	14
4. 完全同意	21	42
5. 同意	17	34



图表 3.2 听懂日常生活中熟悉主题的能力

根据表 3.2 和图 3.2 关于抖音使用对学生“听懂日常生活中熟悉主题内容能力”的调查结果可以看出，研究样本整体上对该项影响持较为积极的态度。在所有

受访学生中，没有学生选择“完全不同意”，表明抖音在帮助学生理解日常熟悉主题方面并未受到明显否定。

具体来看，选择“不同意”的学生共有 5 人，占 10%；选择“中立”的学生为 7 人，占 14%。这部分学生可能尚未在实际学习过程中明显感受到抖音对其理解日常主题内容所产生的直接帮助，或其使用方式尚未充分体现学习效果。与此同时，选择“同意”的学生为 17 人，占 34%；选择“完全同意”的学生多达 21 人，占 42%。两者合计比例达到 76%，表明超过四分之三的学生明确认为，通过抖音接触中文内容有助于提升其理解日常生活中熟悉主题的能力。

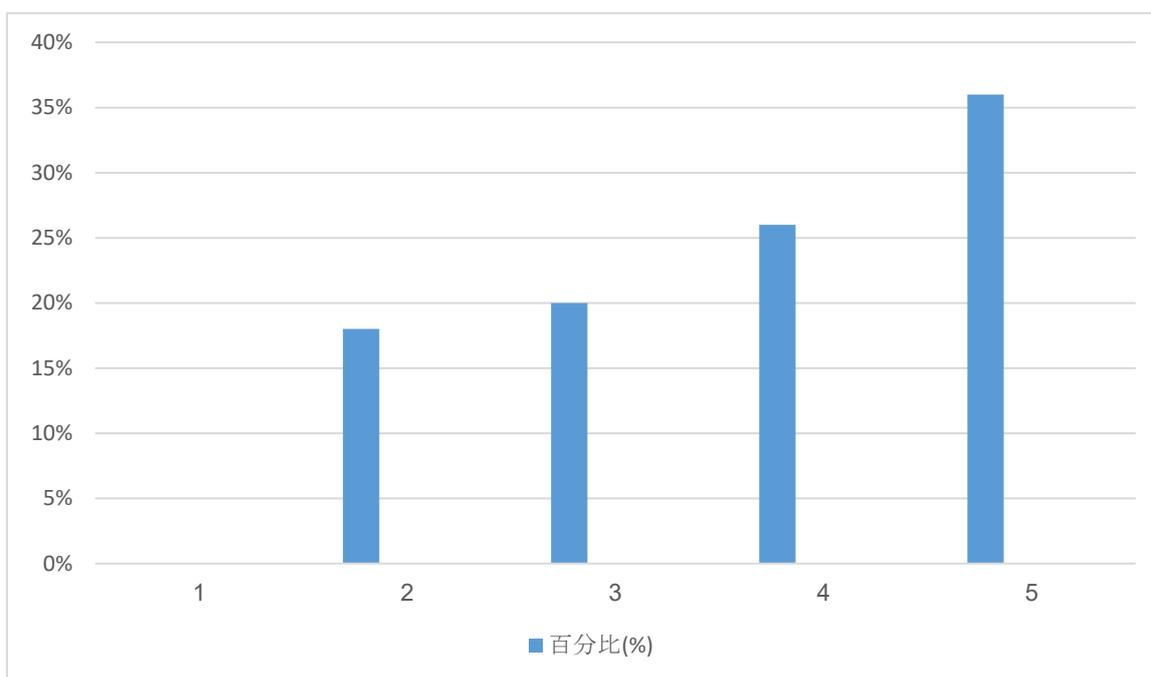
从语言学习角度来看，抖音平台上的视频内容多围绕日常生活场景展开，如饮食、购物、出行、社交互动等，主题贴近学习者的实际生活经验，语境明确、重复率较高。这种以真实语境为依托的语言输入，有助于学习者将新词汇和表达方式与已有背景知识相结合，从而降低理解难度，提升听力理解的准确性与稳定性。

总体而言，调查结果显示，抖音在促进学生听懂日常生活中熟悉主题内容方面具有较为显著的积极影响。尽管仍有少数学生持保留或否定态度，但从整体趋势来看，抖音作为一种贴近真实生活的语言输入平台，在支持学生基础听力理解能力发展方面具有一定的应用价值和实践意义。

### 3.1.3 对辨别汉语声调和语调能力的影响

表格 3.2 辨别汉语声调和语调能力

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	9	18
3. 中立	10	20
4. 完全同意	13	26
5. 同意	18	36



图表 3.3 辨别汉语声调和语调能力

根据表 3.3 和图 3.3 关于抖音使用对学生“辨别汉语声调和语调能力”影响的调查结果可以看出，学生对该项影响的评价整体呈现出中等偏积极的趋势。在所

有受访学生中，没有学生选择“完全不同意”，说明抖音在声调和语调辨别方面并未受到明显否定。

具体来看，选择“不同意”的学生共有 9 人，占 18%；选择“中立”的学生为 10 人，占 20%。这表明仍有相当一部分学生对抖音在提升声调和语调辨别能力方面的效果持保留态度，可能与汉语声调本身的复杂性以及学习者个体差异有关。与此同时，选择“同意”的学生为 18 人，占 36%；选择“完全同意”的学生为 13 人，占 26%，两者合计比例为 62%，显示出超过半数的学生认可抖音在该方面所产生的积极影响。

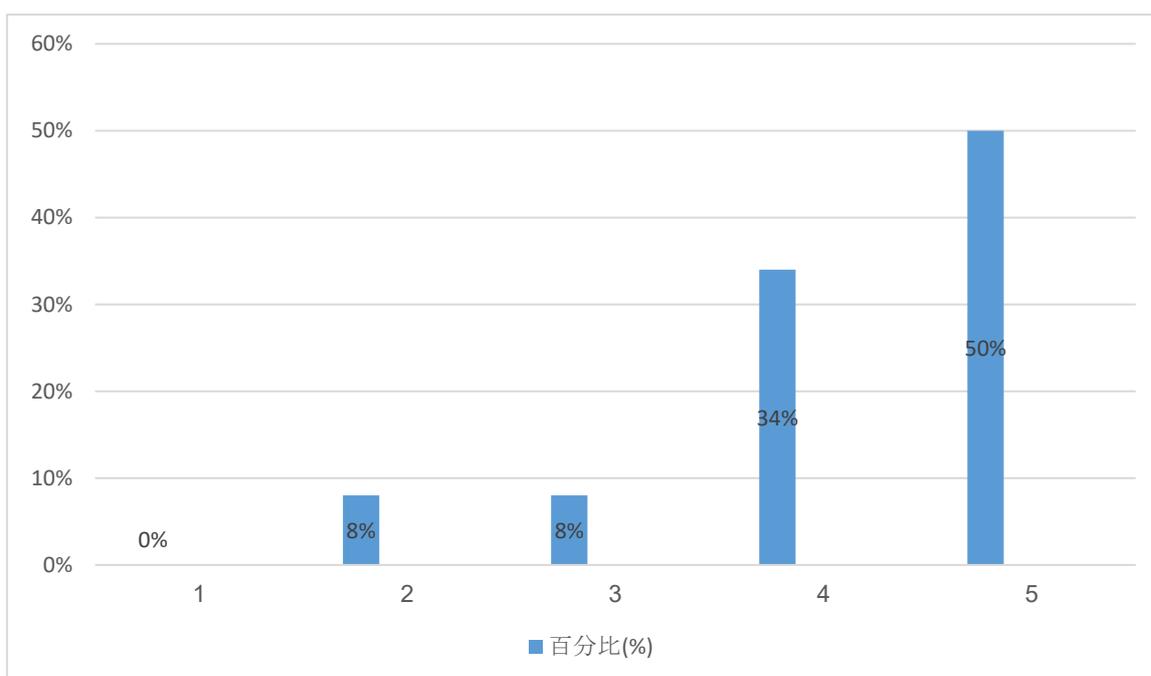
从语音习得的角度来看，抖音视频通常呈现出真实自然的口语语流，包含丰富的声调变化和语调起伏。学习者在高频次接触此类语言输入的过程中，有助于逐步增强对汉语声调差异和语调模式的感知能力。然而，相较于理解内容层面的听力技能，声调和语调的辨别对学习者的语音敏感度和长期训练要求更高，因此其提升效果可能不如理解短对话或熟悉主题那样显著。

总体而言，调查结果表明，抖音在促进学生辨别汉语声调和语调能力方面具有一定的积极作用，但效果相对有限。这一发现提示，在实际教学或自主学习过程中，抖音更适合作为辅助性工具，与系统性的语音训练和课堂指导相结合，才能更有效地提升学习者的声调和语调辨别能力。

### 3.1.4 对听力反应速度和中文信息处理速度的影响

表格 3.3 听力反应速度和中文信息处理速度

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	4	8
3. 中立	4	8
4. 完全同意	17	34
5. 同意	25	50



图表 3.4 听力反应速度和中文信息处理速度

根据表 3.4 和图 3.4 关于抖音使用对学生“听力反应速度和中文信息处理速度”影响的调查结果可以看出，学生对该项影响的评价整体呈现出明显的积极趋势。在所有受访学生中，没有学生选择“完全不同意”，表明抖音在提升学生听力反应速度和中文信息处理能力方面未受到明显否定。

具体来看，选择“不同意”的学生为 4 人，占 8%；选择“中立”的学生同样为 4 人，占 8%。这说明仅有少数学生对抖音在该方面的学习效果持保留或否定态度。与此同时，选择“同意”的学生多达 25 人，占 50%；选择“完全同意”的学生为 17 人，占 34%。两者合计比例达到 84%，显示出绝大多数学生认可抖音在加快听力反应和中文信息处理方面所发挥的积极作用。

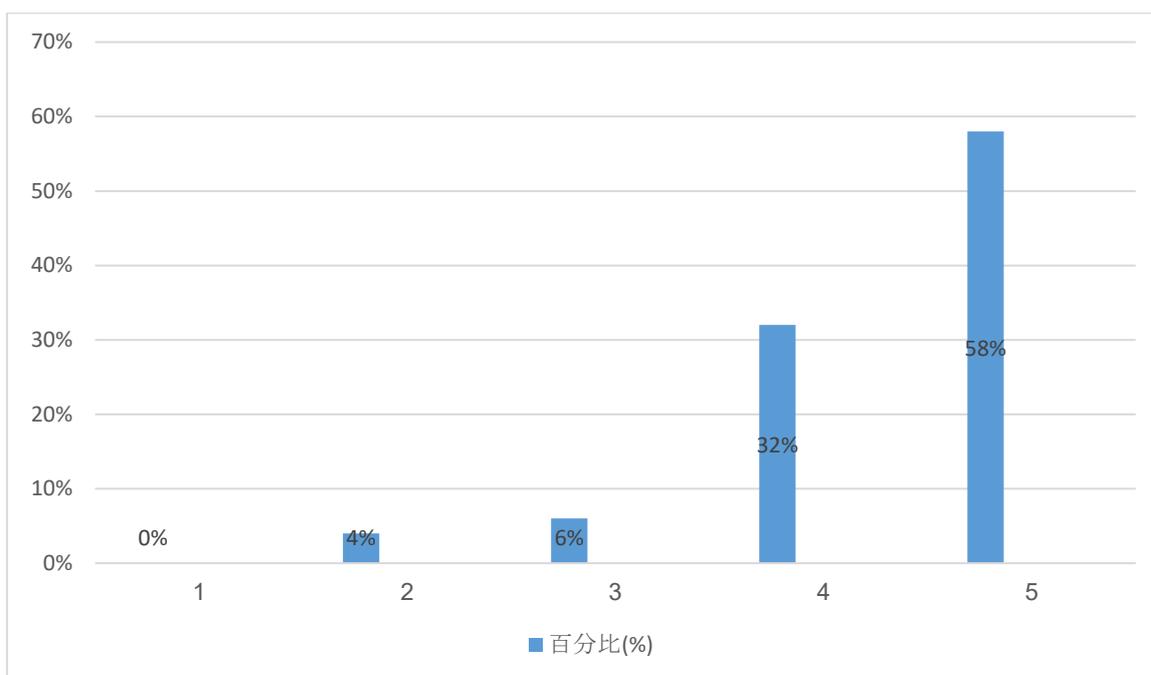
从语言加工角度来看，抖音视频通常节奏较快、信息密度较高，学习者在反复接触此类语言输入的过程中，需要迅速识别语音信息并完成意义建构。这种高强度、快节奏的输入环境有助于训练学习者的即时反应能力和语言处理速度，从而在一定程度上提升其在真实交际情境中的听力反应效率。

总体而言，调查结果表明，抖音在促进学生听力反应速度和中文信息处理速度方面具有较为显著的积极影响。这一发现进一步印证了抖音作为辅助汉语听力学习工具的潜在价值，同时也为后续探讨其对口语反应能力及整体交际能力的影响提供了现实依据。

### 3.1.5 对听懂实际交际语境中中文的能力影响

表格 3.4 听懂实际交际语境中中文的能力

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	2	4
3. 中立	3	6
4. 完全同意	16	32
5. 同意	29	58



图表 3.5 听懂实际交际语境中中文的能力

根据表 3.5 和图 3.5 关于抖音使用对学生“听懂实际交际语境中中文能力”影响的调查结果可以看出，学生对该项影响的整体评价呈现出高度积极的趋势。在所有受访学生中，没有学生选择“完全不同意”，表明抖音在支持学生理解真实交际语境中的中文方面并未受到明显否定。

具体来看，选择“不同意”的学生仅有 2 人，占 4%；选择“中立”的学生为 3 人，占 6%，说明只有极少数学生对该影响持保留或否定态度。与此同时，选择“同意”的学生多达 29 人，占 58%；选择“完全同意”的学生为 16 人，占 32%。两者合计比例高达 90%，显示出绝大多数学生明确认可抖音在提升其理解实际交际语境中中文能力方面所发挥的积极作用。

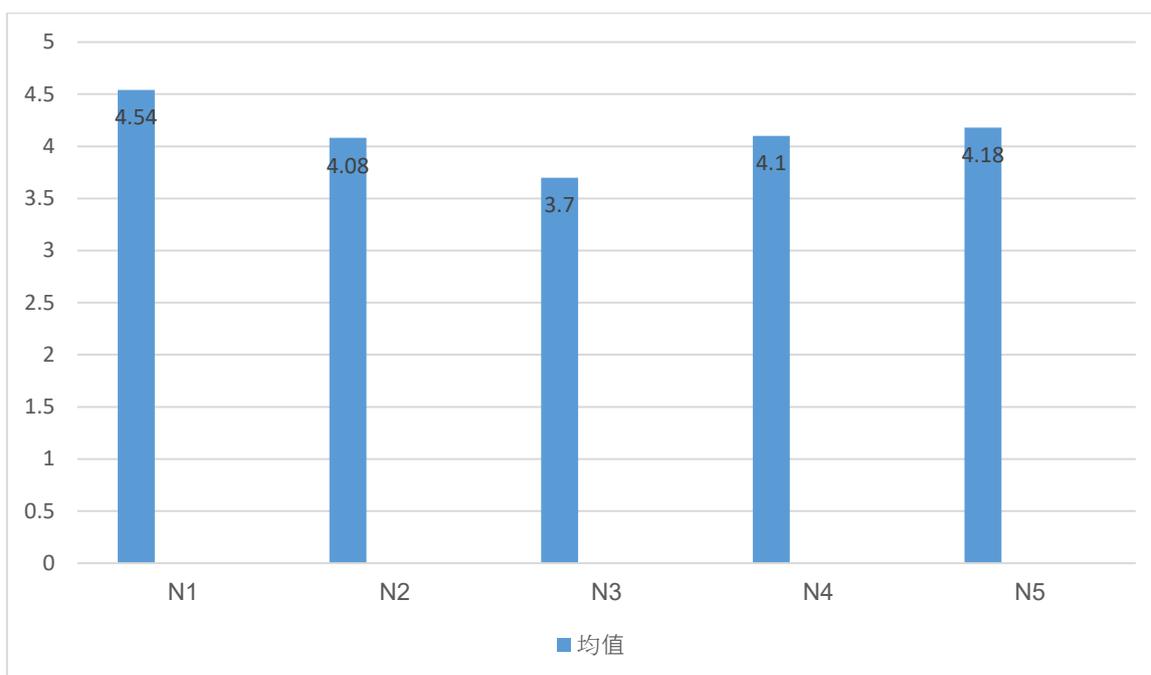
从语言使用与交际能力发展的角度来看，抖音平台上的视频内容往往来源于真实生活情境，语言表达自然、语境信息丰富，涵盖多样的交际目的和话语功能。学习者在高频次接触此类真实语境语言输入的过程中，能够逐渐提高对语用信息、语境线索以及言外之意的理解能力，从而更有效地理解实际交际中的中文表达。

总体而言，调查结果表明，抖音在促进学生听懂实际交际语境中中文的能力方面具有显著而稳定的积极影响。这一发现进一步说明，抖音作为一种贴近真实语言使用环境的数字平台，在支持汉语听力理解和交际能力发展方面具有较高的应用价值和实践意义。

### 3.1.6 抖音对听力能力的总体影响 (N)

表格 3.5 抖音对听力能力的总体影响

编码	问题内容	均值 (Mean M)	标准差 (SD)	排名
N1	听懂简短对话和语速较快语言能力	4.54	0.65	1
N2	听懂日常生活中熟悉主题的能力	4.08	0.98	4
N3	辨别汉语声调和语调能力	3.7	1.05	5
N4	听力反应速度和中文信息处理速度	4.1	0.86	3
N5	听懂实际交际语境中中文的能力	4.18	0.71	2
听力技能 (N)	因变量的整体平均值	4.12	0.85	



图表 3.6 听力技能改善程度的平均值

根据图表和统计数据可以从多个维度对抖音对汉语听力能力的影响情况进行分析。总体来看，听力技能（N）的整体平均值（M）为 4.12，标准差（SD）为 0.85，处于较高水平。这表明受访学生整体上对抖音在提升其汉语听力理解能力方面持较为积极的评价态度。

同时，标准差数值显示，学生在各具体维度上的感受仍存在一定差异，说明抖音对不同学习者在听力能力提升方面的影响程度并不完全一致。

从各具体指标来看，抖音对听力能力的影响呈现出一定的侧重特征。其中，“听懂简短对话和语速较快语言的能力”（N1）获得最高的平均值（M = 4.54），位居首位。这一结果表明，抖音在帮助学习者理解简短、直接且节奏较快的语言内容方面表现较为突出。这与抖音短视频内容简洁、信息集中的平台特性具有较高的契合度。同时，该项标准差较低（SD = 0.65），说明多数学生在该方面的评价较为一致。

排名第二的是“听懂实际交际语境中中文的能力”（N5），其平均值为 4.18。该结果显示，通过接触抖音中贴近日常生活的交际场景，学习者在理解真实语境

中的汉语方面获得了一定程度的提升。该能力与 N1 所反映的简短对话理解能力之间具有一定的内在联系，二者均强调真实语境下的信息理解。

“听力反应速度和中文信息处理能力”（N4）的平均值为 4.10，位居第三。这表明，持续接触抖音中较为自然、未经过度简化的汉语语音输入，有助于学习者逐步适应真实语言节奏，并提升其听觉反应速度与信息处理效率。

相较之下，“听懂日常生活中熟悉主题的能力”（N2）的平均值为 4.08，排名第四。尽管该数值仍处于较高水平，但其标准差（ $SD = 0.98$ ）显示学生之间的评价存在一定差异。这可能与抖音内容主题多样、语言难度不一有关，不同学习者在理解相关内容时的体验有所不同。

得分相对较低的因素为“辨别汉语声调和语调的能力”（N3），其平均值为 3.70，排名第五，且标准差最高（ $SD = 1.05$ ）。该结果表明，尽管抖音能够提供丰富的真实语音输入，但在声调和语调等需要系统性、针对性训练的听力能力方面，其辅助效果相对有限，不同学习者的体验差异也较为明显。

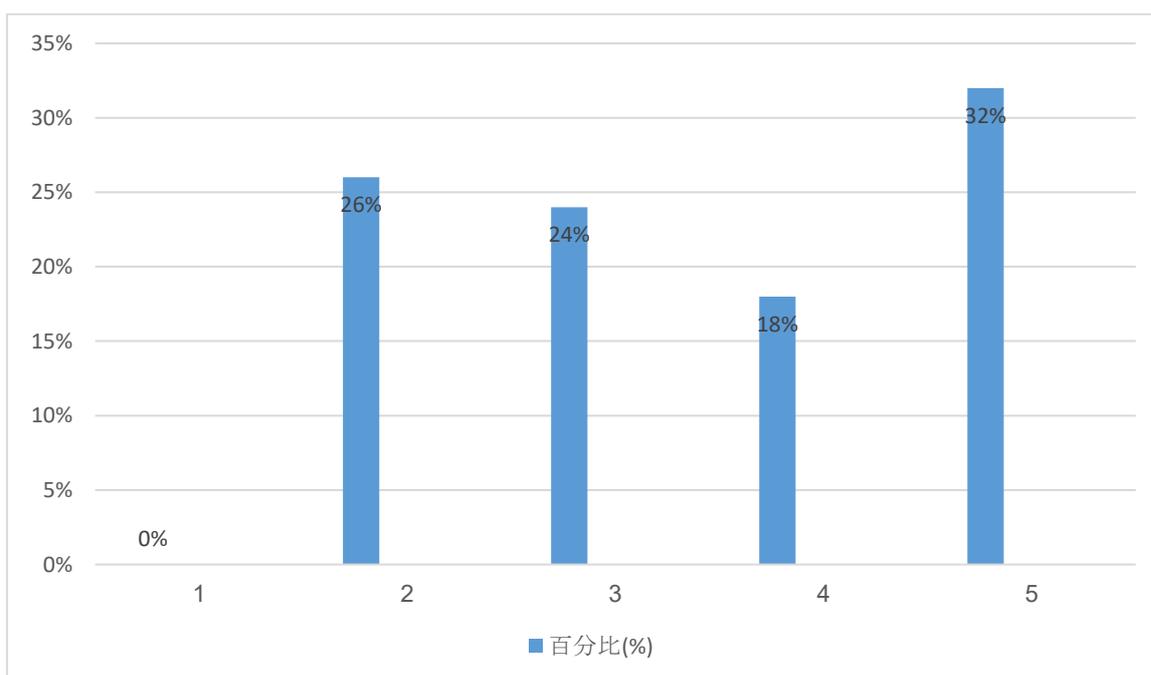
总体而言，抖音在支持学习者巩固基础性和实用性听力技能方面表现较为突出，尤其体现在对简短对话和真实交际语境内容的理解上。然而，在声调与语调等精细化听力能力的发展方面，其作用仍存在一定局限，有必要结合更加系统的教学材料和训练方式加以补充。

## 3.2 抖音对汉语口语能力的影响分析

### 3.2.1 对模仿汉语发音和语调能力的影响

表格 3.6 模仿汉语发音和语调能力

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	13	26
3. 中立	12	24
4. 完全同意	9	18
5. 同意	16	32



图表 3.7 模仿汉语发音和语调能力

根据表 3.7 和图 3.7 关于抖音使用对学生“模仿汉语发音和语调能力”影响的调查结果可以看出，学生对该项影响的评价呈现出相对分化、但总体偏向中性至积极的趋势。在所有受访学生中，没有学生选择“完全不同意”，说明抖音在该方面并未受到学生的普遍否定。

具体来看，选择“不同意”的学生共有 13 人，占 26%；选择“中立”的学生为 12 人，占 24%。这表明约一半的学生对抖音在提升其模仿汉语发音和语调能力方面的效果持保留或否定态度，可能与个体在模仿能力、练习方式以及是否进行主动模仿等因素有关。与此同时，选择“同意”的学生为 16 人，占 32%；选择“完全同意”的学生为 9 人，占 18%，两者合计比例为 50%，显示出仍有一半学生明确认可抖音在该方面所产生的积极影响。

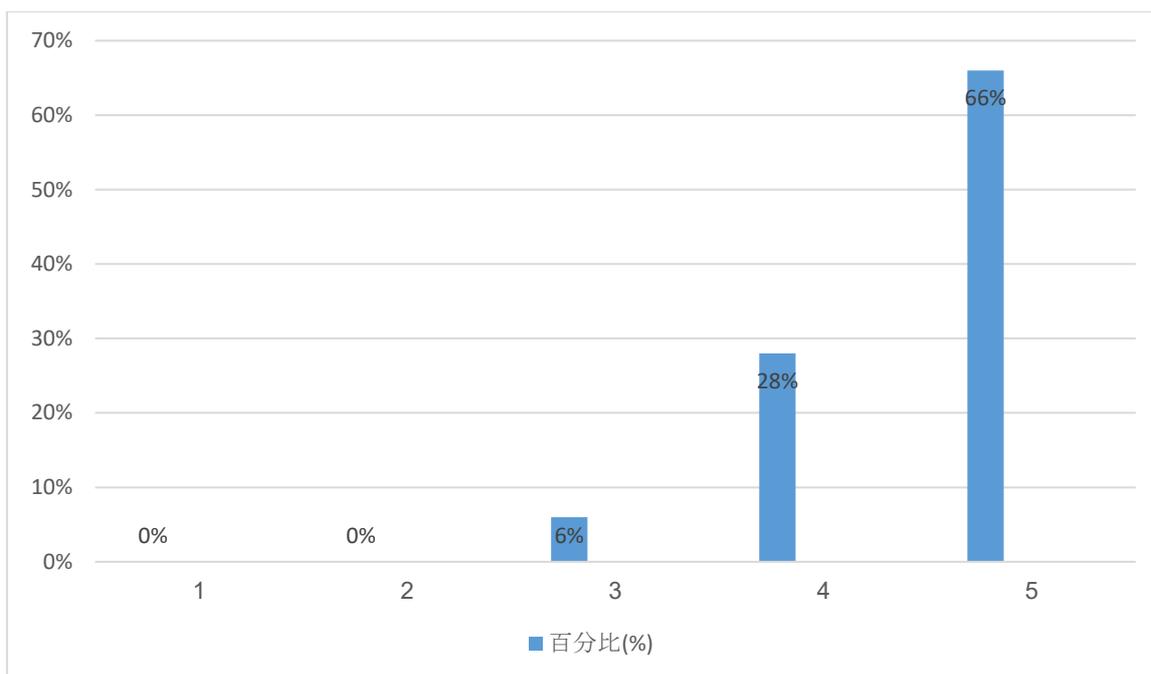
从口语习得角度来看，抖音视频为学习者提供了大量真实的语音示范，有助于学习者接触到自然语流中的发音特征和语调变化。然而，与听力理解不同，模仿发音和语调属于输出型技能，其提升不仅依赖于输入的数量，还高度依赖学习者是否进行有意识的模仿练习以及是否获得及时反馈。因此，部分学生可能在被动观看视频的情况下，未能明显感受到抖音对其发音和语调模仿能力的直接促进作用。

总体而言，调查结果表明，抖音在促进学生模仿汉语发音和语调能力方面具有一定的积极作用，但效果存在明显个体差异。这提示在实际教学或自主学习中，若能结合模仿练习、跟读任务或教师指导，抖音在提升学生汉语口语语音能力方面的作用有望得到进一步增强。

### 3.2.2 对学习和运用实际交际词汇、表达方式的影响

表格 3.7 学习和运用实际交际词汇、表达方式

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	0	0
3. 中立	3	6
4. 完全同意	14	28
5. 同意	33	66



图表 3.8 学习和运用实际交际词汇、表达方式

根据表 3.8 和图 3.8 关于抖音使用对学生“学习和运用实际交际词汇、表达方式”影响的调查结果可以看出，学生对该项影响的整体评价呈现出高度积极的趋势。在所有受访学生中，没有学生选择“完全不同意”或“不同意”，表明抖音在支持学生学习和运用实际交际词汇与表达方式方面获得了较为一致的认可。

具体来看，选择“中立”的学生仅有 3 人，占 6%，说明只有极少数学生对该影响持观望态度。与此同时，选择“同意”的学生多达 33 人，占 66%；选择“完全同意”的学生为 14 人，占 28%。两者合计比例高达 94%，显示出绝大多数学生明确认同抖音在促进其掌握并运用实际交际词汇和表达方式方面所发挥的积极作用。

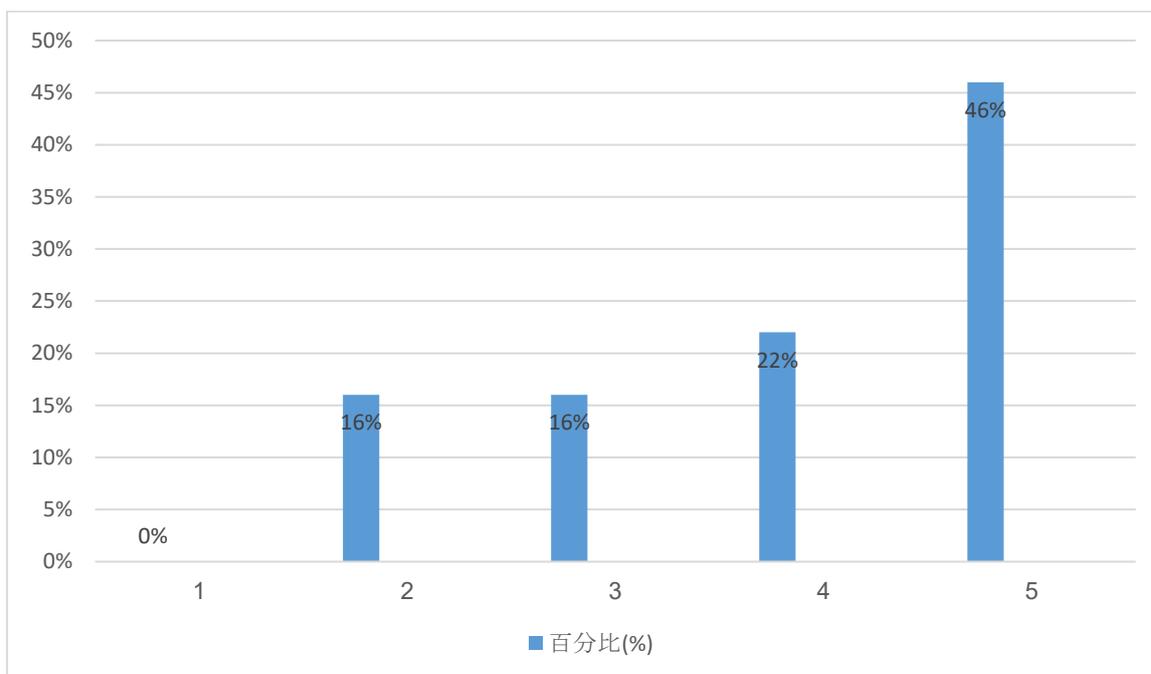
从语言使用的实际性角度来看，抖音平台上的内容多源于真实生活语境，语言表达自然、生动，涵盖大量口语化词汇、固定搭配以及常用表达方式。学生在高频接触此类语言输入的过程中，能够更容易理解词汇和表达的具体使用情境，并逐渐将其内化为自身的语言资源，从而在实际交际中加以运用。

总体而言，调查结果表明，抖音在促进学生学习和运用实际交际词汇及表达方式方面具有显著且稳定的积极影响。这一发现进一步说明，抖音不仅能够为学生提供丰富的语言输入，还能够有效缩短课堂语言与真实交际语言之间的差距，对提升学生汉语口语交际能力具有重要的实践意义。

### 3.2.3 对汉语发音和声调准确度的影响

表格 3.8 汉语发音和声调准确度

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	8	16
3. 中立	8	16
4. 完全同意	11	22
5. 同意	23	46



图表 3.9 汉语发音和声调准确度

根据表 3.9 和图 3.9 关于抖音使用对学生“汉语发音和声调准确度”影响的调查结果可以看出，学生对该项影响的整体评价呈现出中等偏积极的趋势。在所有受访学生中，没有学生选择“完全不同意”，表明抖音在提升汉语发音和声调准确度方面并未受到学生的全面否定。

具体来看，选择“不同意”的学生为 8 人，占 16%；选择“中立”的学生同样为 8 人，占 16%。这说明仍有一定比例的学生对抖音在提高其发音和声调准确度方面的效果持保留态度，可能与发音和声调本身的学习难度较高、需要系统训练与专业反馈等因素有关。与此同时，选择“同意”的学生为 23 人，占 46%；选择“完全同意”的学生为 11 人，占 22%。两者合计比例达到 68%，显示出超过三分之二的学生认可抖音在该方面所产生的积极影响。

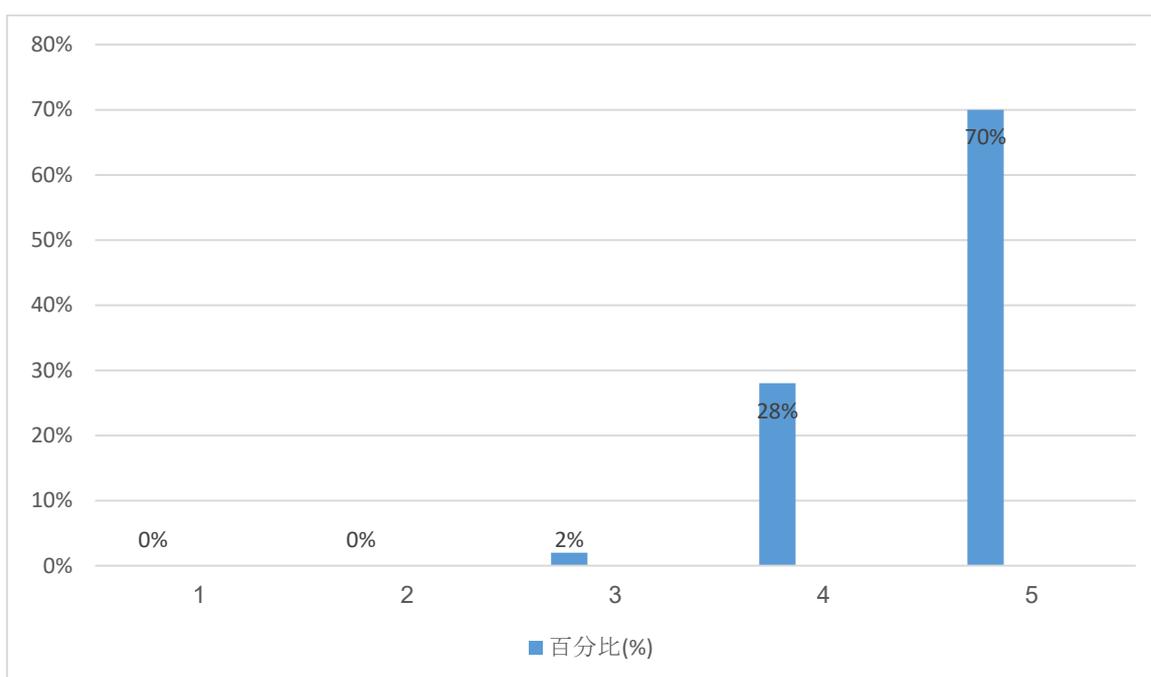
从汉语语音习得的角度来看，抖音平台为学习者提供了大量来自母语者或高水平使用者的真实语音示范，有助于学习者反复感知标准发音和声调模式。然而，发音和声调准确度的提升属于高度依赖输出练习和纠错反馈的技能，仅通过观看和听取输入可能难以在短期内实现显著改善。因此，部分学生未能明显感受到抖音对其发音和声调准确度的直接提升效果。

总体而言，调查结果表明，抖音在提升学生汉语发音和声调准确度方面具有一定程度的促进作用，但其效果仍存在个体差异和方法依赖性。这一发现提示在教学实践中，若能将抖音作为辅助工具，并结合系统的语音训练、跟读模仿以及教师反馈机制，将更有助于全面提高学生的汉语发音与声调准确度。

### 3.2.4 对汉语口语流利度的影响

表格 3.9 汉语口语流利度

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	0	0
3. 中立	1	2
4. 完全同意	14	28
5. 同意	35	70



图表 3.10 汉语口语流利度

根据表 3.10 和图 3.10 关于抖音使用对学生“汉语口语流利度”影响的调查结果可以看出，学生对该项影响的评价呈现出极为显著的积极趋势。在所有受访学生中，没有学生选择“完全不同意”或“不同意”，表明抖音在提升汉语口语流利度方面获得了高度一致的认可。

具体来看，仅有 1 名学生（占 2%）选择“中立”，说明几乎所有学生都能明显感受到抖音对其口语流利度的影响。与此同时，选择“同意”的学生多达 35 人，占 70%；选择“完全同意”的学生为 14 人，占 28%。两者合计比例高达 98%，显示出绝大多数学生强烈认同抖音在促进汉语口语流利度方面所发挥的积极作用。

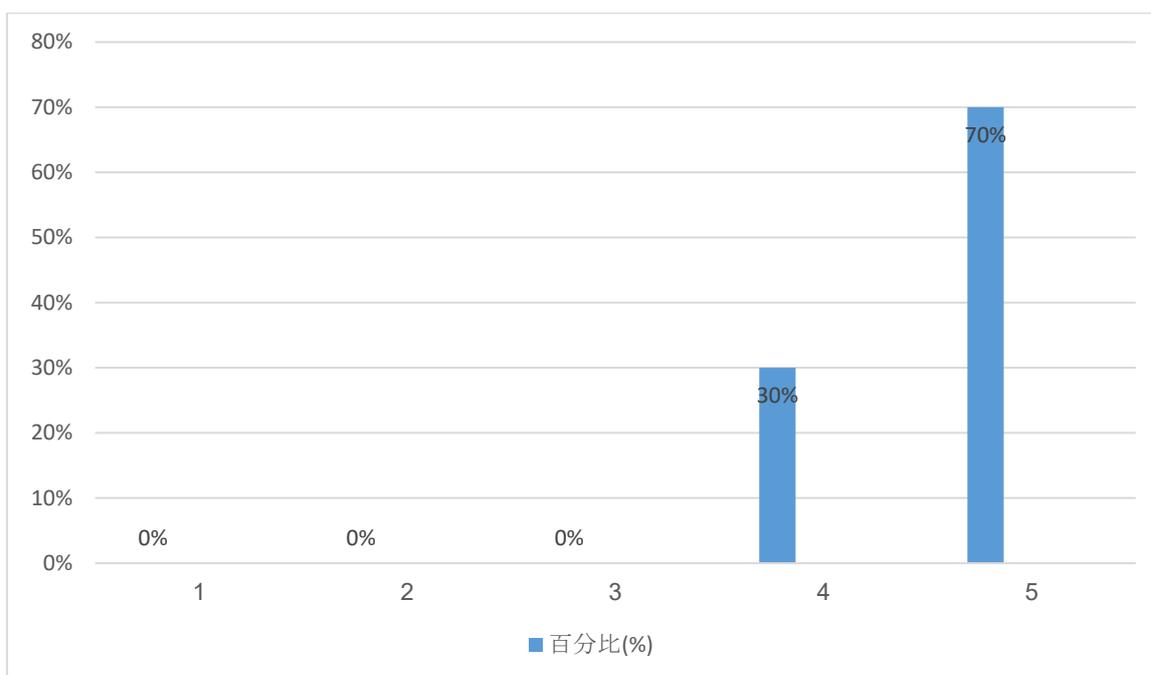
从口语流利度发展的角度来看，抖音视频通常语速自然、话语连续性强，能够为学习者提供大量真实且高频的语言输入。学生在长期、高频次接触此类语言材料的过程中，有助于逐渐内化常见表达模式和话语结构，从而在实际口语表达中减少停顿、提升表达的连贯性和流畅度。

总体而言，调查结果清晰地表明，抖音在提升学生汉语口语流利度方面具有显著而稳定的积极影响。这一发现进一步验证了抖音作为辅助汉语口语学习工具的实践价值，同时也为后续综合讨论抖音在促进学生整体口语交际能力发展中的作用提供了有力依据。

### 3.2.5 对中文交际自信程度的影响

表格 3.10 中文交际自信程度

选项	人数 (n)	百分比 (%)
1. 完全不同意	0	0
2. 不同意	0	0
3. 中立	0	0
4. 完全同意	15	30
5. 同意	35	70



图表 3.11 中文交际自信程

根据表 3.11 和图 3.1 关于抖音使用对学生“中文交际自信程度”影响的调查结果可以看出，学生对该项影响的评价呈现出极其一致且高度积极的趋势。在所有受访学生中，没有学生选择“完全不同意”“不同意”或“中立”，表明抖音在提升学生中文交际自信方面获得了全面认可。

具体来看，选择“同意”的学生为 35 人，占 70%；选择“完全同意”的学生为 15 人，占 30%。两者合计比例达到 100%，显示出全体学生一致认为抖音的使用对其中文交际自信程度产生了积极影响。

从语言学习心理角度来看，交际自信是影响学习者口语表现和交际意愿的重要因素。抖音平台所提供的真实语言环境和贴近日常生活的交际情境，有助于降低学习者在使用外语时的焦虑感。同时，频繁接触可理解的语言输入和常见表达方式，使学生在实际交流中更容易调取合适的语言资源，从而增强其表达的信心。

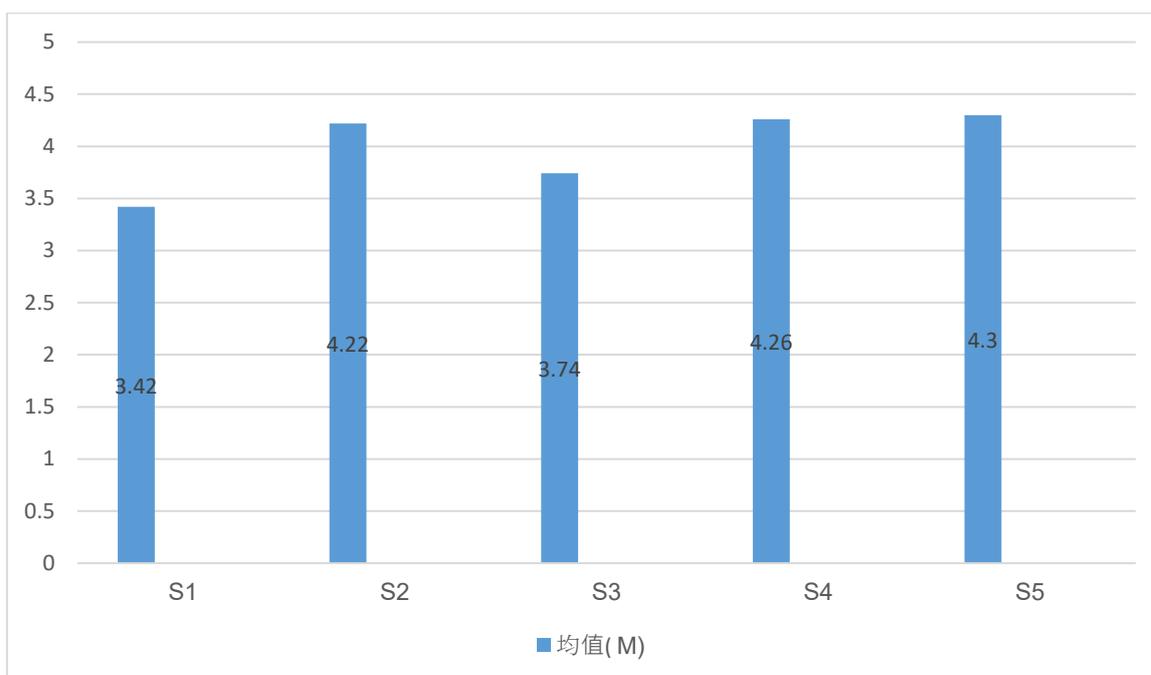
总体而言，调查结果充分表明，抖音在提升学生中文交际自信程度方面具有显著且稳定的促进作用。这一发现不仅验证了抖音在支持汉语口语能力发展的情

感层面价值，也进一步说明其在增强学生交际意愿和参与度方面具有重要的实践意义，为后续综合评估抖音对学生整体口语交际能力的影响提供了坚实依据。

### 3.2.6 抖音对口语能力的总体影响 (S)

表格 3.11 抖音对口语能力的总体影响

编码	问题内容	均值 (M)	标准差 (SD)	排名
S1	模仿汉语发音和语调能力	3.42	1.07	5
S2	学习和运用实际交际词汇、表达方式	4.22	0.55	3
S3	汉语发音和声调准确度	3.74	0.98	4
S4	汉语口语流利度	4.26	0.49	2
S5	中文交际自信程度	4.3	0.46	1
口语技能 (S)	因变量的整体平均值	3.99	0.71	



图表 3.12 口语技能改善程度的平均值

根据图表和统计数据所呈现的口语技能（S1-S5）的均值（M）、标准差（SD）和排名结果可以看出，学生对自身汉语口语能力改善的整体评价处于较高水平。口语技能作为因变量的整体平均值为 3.99，标准差为 0.71，反映出受访者普遍认可抖音在支持汉语口语发展方面所发挥的积极作用。

在抖音对汉语口语能力影响的五个维度中，不同口语技能所呈现的影响程度存在一定差异，这在一定程度上反映了该平台在支持汉语口语学习方面的优势与局限。

其中，“汉语交际自信心”（S5）的平均值最高（ $M = 4.30$ ），标准差较低（ $SD = 0.46$ ），位居首位。该结果表明，大多数学生对抖音在增强其汉语口语交际自信心方面持较为一致且积极的评价。通过频繁接触贴近真实交际情境的短视频内容，学生对汉语使用环境的熟悉程度有所提高，从而在口语表达过程中表现出更强的参与意愿。这一结果显示，抖音在一定程度上有助于改善外语学习中的情感因素。

排名第二的是“汉语口语流利度”（S4），其平均值为 4.26，标准差为 0.49。该结果表明，抖音在支持学生口语流利度发展方面表现出较为积极的效果。短视

频中较为自然的语速、节奏以及多样化的语言内容，为学习者提供了持续的语言接触机会，有助于其逐步适应真实语境下的语言表达方式。

“在真实交际中学习并运用词汇和表达方式”（S2）位列第三，其平均值为 4.22，标准差为 0.55。结果显示，学生普遍认为抖音有助于其在具体语境中理解和运用词汇与表达方式，从而在实际交流中提升语言运用能力。

位居第四的是“汉语发音与声调的准确性”（S3），其平均值为 3.74，标准差为 0.98。尽管该维度的评价仍处于中等偏上水平，但较大的标准差表明，不同学生在该方面的体验和感受存在一定差异。这可能与平台中语音输入来源多样、口音差异以及音频质量不一致等因素有关，从而影响部分学习者对规范语音的掌握效果。

得分最低的维度为“模仿汉语发音和语调的能力”（S1），其平均值为 3.42，标准差最高（SD = 1.07），排名第五。该结果表明，尽管抖音为学习者提供了大量母语者语音示范，但在发音和语调的精准模仿方面，学习者仍面临一定挑战。发音器官控制、声调变化及音节准确性等方面通常需要更具针对性的指导与反馈，而这些条件在短视频平台中相对有限。

总体而言，抖音在提升学习者汉语口语自信心、流利度及词汇运用能力方面表现较为突出，但在发音与声调等需要系统训练的口语技能方面，其辅助效果相对有限，有必要与更加系统的教学方式相结合。

## 第四章：结论与建议

### 4.1 研究结论

本研究旨在评估抖音社交媒体平台的使用对海防管理与科技大学（HPU）中文专业学生汉语听力与口语能力的影响。基于对 50 名学生问卷数据的定量分析，研究对学生使用抖音接触中文内容的情况，以及其对自身听力和口语能力变化的主观评价进行了系统描述。

研究结果整体表明，学生普遍认为抖音的使用对其汉语听力和口语能力具有积极影响。从听力技能的描述性统计结果来看，各听力维度的平均值整体处于较高水平，说明学生普遍认可通过抖音接触真实语言内容有助于其听力理解能力的发展，尤其是在理解简短对话和日常交际语境方面表现更为明显。

研究结果整体表明，学生普遍认为抖音的使用对其汉语听力和口语能力具有积极影响。从听力技能的描述性统计结果来看，各听力维度的平均值整体处于较高水平，说明学生普遍认可通过抖音接触真实语言内容有助于其听力理解能力的发展，尤其是在理解简短对话和日常交际语境方面表现更为明显。

总体而言，本研究结果从描述性统计角度证实了抖音作为一种数字化学习工具，在支持汉语听力和口语学习方面具有积极作用。抖音通过提供大量贴近真实语境的语言输入，并在低压力环境中促进学习者进行语言接触与模仿，为学生的听说能力发展创造了有利条件。

### 4.2 研究局限

尽管本研究在一定程度上揭示了抖音社交媒体平台对 HPU 中文专业学生汉语听力与口语能力的积极影响，但仍不可避免地存在一些局限性，有待在今后的研究中进一步完善。

首先，在样本规模方面，本研究仅选取了 50 名海防管理与科技大学中文专业学生作为研究对象，样本数量相对有限，且研究范围集中于单一高校。因此，研究结果在一定程度上受到样本代表性的限制，其结论主要适用于本研究对象，尚难以推广至其他高校或更大范围的汉语学习者群体。

其次，在研究方法方面，本研究采用的是定量研究中的问卷调查与描述性统计分析，数据主要来源于学生对自身听力和口语能力变化的主观评价。虽然这种方法有助于整体了解学习者的态度与感知，但仍可能受到主观判断、社会期望效应等因素的影响，尚不能全面反映学习者真实语言能力的客观变化。

再次，在研究工具方面，本研究未结合标准化语言测试或课堂观察等客观测量手段，对学生听力和口语能力的提升进行直接评估。因此，研究结果更多反映的是抖音使用与学习体验之间的关系，而非对语言能力提升程度的精确测量。

最后，在研究内容方面，本研究主要关注抖音使用情况与汉语听力、口语技能之间的总体关系，尚未深入探讨不同内容类型（如娱乐类、教学类、生活类视频）或不同使用方式对学习效果可能产生的差异影响，这在一定程度上限制了研究结论的深度。

综上所述，上述局限并不削弱本研究的现实意义，但提示未来研究可在样本规模、研究方法及数据收集工具等方面进行进一步拓展和完善，以获得更加全面和深入的研究结论。

## 4.3 建议

### 4.3.1 对教师与课程设计的建议

首先，汉语教师在教学过程中可合理引导学生将抖音作为课堂教学的辅助工具，而非单纯的娱乐媒介。教师可根据课程目标和学生语言水平，筛选或推荐内容健康、语言规范、贴近真实交际情境的中文短视频，用于补充课堂教学内容。

在听力教学方面，教师可鼓励学生利用抖音进行课外听力练习，重点关注简短对话、日常生活场景及高频表达，以巩固基础听力理解能力。同时，可引导学生在观看视频时带着明确任务，如抓取关键词或理解主要信息，从而提高学习的针对性。

在口语教学方面，鉴于研究结果显示抖音在提升学生口语流利度和交际自信心方面具有积极作用，教师可适当设计与短视频相关的口语活动，如模仿发音、

跟读练习或简单情景表达任务，以促进学生的语言输出。但在发音和声调训练方面，仍应结合系统化的课堂指导，以确保语言输入的规范性和准确性。

#### **4.3.2 对学生的建议**

对于学生而言，应树立正确的学习意识，合理规划抖音的使用时间和方式，将其作为辅助汉语学习的工具，而非过度依赖的娱乐平台。学生在观看中文短视频时，应有意识地关注语言形式与内容表达，如词汇使用、句型结构及语音语调，而不仅停留在内容理解层面。

在听力学习方面，学生可通过反复观看同一视频、适当放慢播放速度等方式，提高对语言细节的理解能力。在口语学习方面，可尝试模仿视频中的发音和表达方式，逐步增强开口表达的自信心。但同时也应注意区分规范语言与非正式用语，避免形成不准确的语言习惯。

此外，学生应结合课堂学习内容，对抖音中的语言素材进行筛选和整理，将碎片化学习与系统学习相结合，以提高整体学习效果。

#### **4.3.3 对学校的建议**

从学校层面来看，可在教学管理和课程建设中适当关注数字化学习工具在语言教学中的应用潜力。学校可为教师提供相关培训或交流平台，支持教师探索将短视频平台与汉语教学相结合的教学模式。

同时，学校可鼓励在课堂教学中合理引入数字媒介资源，并为学生创造更加多样化的语言学习环境，如支持线上学习资源建设或开展与数字媒体相关的学习活动，从而提升学生的学习参与度与学习动机。

此外，学校在推动数字化教学的过程中，应引导学生正确使用社交媒体，帮助其平衡学习与娱乐的关系，以确保数字化工具在教学中的积极作用得到充分发挥。

## 参考文献

### 参考文献（越南）

1. Lư, H. V. (2020). Nghiên cứu về chiến lược học tập tiếng Hán của sinh viên chuyên ngành tiếng Hán tại Việt Nam. Trong Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN (Biên tập), *Kỷ yếu hội thảo quốc gia 2020: “Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam”* (tr. 687-695). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn, T. H. T., Đinh, B. T., Phạm, T. T., & Nguyễn, T. M. T. (2023). *Xây dựng video phát triển kỹ năng nói cho sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trình độ sơ cấp trên nền tảng ứng dụng Tiktok*. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam* (tr. 450–462). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn, M. H., & Nguyễn, N. H. (2019). *Mở rộng môi trường tự học cho sinh viên tiếng Trung Quốc qua các ứng dụng công nghệ đa phương tiện*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Hùng Vương, 14(1), 35–44.

### 参考文献（英语）

1. Creswell, J. W. (2014). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches* (4th ed.). SAGE Publications.
2. Krashen, S. D. (1982). *Principles and practice in second language acquisition*. Pergamon Press.
3. Krashen, S. D. (1985). *The input hypothesis: Issues and implications*. Longman.
4. Swain, M. (1985). Communicative competence: Some roles of comprehensible input and comprehensible output in its development. In S. Gass & C. Madden (Eds.), *Input in second language acquisition* (pp. 235–253). Newbury House.
5. Cheng, C. (2024). *Investigating the effectiveness of learning-oriented short videos on Chinese language learning for international students*. International Journal of Sociologies and Anthropologies Science Reviews, 4(4), 65–76.

<https://doi.org/10.60027/ijasar.2024.4317>

6. Godwin-Jones, R. (2018). *Using mobile social media for language learning*. *Language Learning & Technology*, 22(3), 1–17.
7. Kaplan, A. M., & Haenlein, M. (2010). *Users of the world, unite! The challenges and opportunities of social media*. *Business Horizons*, 53(1), 59–68.  
<https://doi.org/10.1016/j.bushor.2009.09.003>
8. Wang, Z. (2025). *The influence of the content recommendation algorithm in user viewing behavior on the short video platform*. *Highlights in Science, Engineering and Technology*, 128, 204–209.  
<https://doi.org/10.54097/cr5e7t94>
9. Yuan, Y., & Wang, Q. (2024). *Characteristics, hotspots, and prospects of short video research: A review of papers published in China from 2012 to 2022*. *Heliyon*, 10(3), e24885.  
<https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e24885>
10. Zhang, Y., Lucas, M., & Pedro, L. (2022). *Short video-based language learning: A review of research trends and pedagogical implications*. *Education Sciences*, 12(11), 786.
11. Zhou, Y. (2022). *The role of social media in second language learning: Benefits and challenges*. *Atlantis Press Conference Proceedings*, 1–10.

## 附录

### 调查问卷

大家好！我是段氏秋，是海防管理与科技大学中文专业的本科生，目前正在进行毕业论文研究。本问卷旨在调查抖音对中文专业学生汉语听力与口语能力的影响。本问卷采用匿名方式，所有信息仅用于学术研究，请您根据实际情况如实填写。您的参与对本研究具有重要意义。感谢您的支持与配合！

1. 您的年级是？
2. 性别？
3. 您使用抖音观看中文内容（不区分目的）的频率如何？
  - 很少(0-1 天/周)
  - 偶尔(2-3 天/周)
  - 一般(4-5 天/周)
  - 经常(6 天/周)
  - 每天(7 天/周)
4. 您平均每天花多长时间在抖音上观看中文内容？
  - 小于 15 分钟
  - 15 – 30 分钟
  - 30 – 60 分钟
  - 1 – 2 小时
  - 大于 2 小时
5. 观看抖音有助于您提高听懂简短对话和语速较快语言的能力。（
  1. 完全不同意
  2. 不同意
  3. 中立
  4. 同意
  5. 完全同意）

6. 通过观看抖音视频，您能够更好地听懂和理解日常生活中熟悉的主题（例如：美食、旅行、社会生活）的中文内容。（
  1. 完全不同意
  2. 不同意
  3. 中立
  4. 同意
  5. 完全同意
7. 您认为抖音有助于您更清楚、更准确地辨别汉语声调和语调。（
  1. 完全不同意
  2. 不同意
  3. 中立
  4. 同意
  5. 完全同意
8. 您感到自己的听力反应速度和中文信息处理速度得到了显著提高。（
  1. 完全不同意
  2. 不同意
  3. 中立
  4. 同意
  5. 完全同意
9. 抖音有助于您熟悉实际的交际语境，从而提高您对日常汉语的听力理解能力。（
  1. 完全不同意
  2. 不同意
  3. 中立
  4. 同意
  5. 完全同意
10. 您使用抖音来模仿发音（标准语音、语调），并感觉到了明显的改善。（

1. 完全不同意
2. 不同意
3. 中立
4. 同意
5. 完全同意)

11. 您通过抖音学习并能在实际交际中使用恰当的词汇和表达方式。(

1. 完全不同意
2. 不同意
3. 中立
4. 同意
5. 完全同意)

12. 您感到自己的汉语发音和声调因为抖音而变得更加标准和准确。(

1. 完全不同意
2. 不同意
3. 中立
4. 同意
5. 完全同意)

13. 抖音有助于您提高汉语口语的流利度，减少说话时的停顿或犹豫。(

1. 完全不同意
2. 不同意
3. 中立
4. 同意
5. 完全同意)

14. 由于经常通过抖音接触中文，您在进行中文交流时变得更加自信。(

1. 完全不同意
2. 不同意
3. 中立

4. 同意
5. 完全同意)